**TÌM HIỂU**

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015**

**( SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017)**

Bộ luật Hình sự có nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

Sau đây là một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**1. Tội phạm là gì?**

**Trả lời:**

Điều 8Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

- Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác.

**2. Việc phân loại tội phạm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:

a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật Hình sự quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

2. Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo quy định tại khoản 1 nêu trên và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật Hình sự (Điều 76. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại: Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 188 (tội buôn lậu), 189 (tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới), 190 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm), 191 (tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm), 192 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả), 193 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm), 194 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh), 195 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi), 196 (tội đầu cơ), 200 (tội trốn thuế), 203 (tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ), 209 (tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán), 210 (tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán), 211 (tội thao túng thị trường chứng khoán), 213 (tội gian lận trong kinh doanh bảo hiểm), 216 (tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động), 217 (tội vi phạm quy định về cạnh tranh), 225 (tội xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan), 226 (tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp), 227 (tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên), 232 (tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng), 234 (Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã), 235 (tội gây ô nhiễm môi trường), 237 (tội vi phạm phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường), 238 (tội vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai; vi phạm quy định về bảo vệ bờ, bãi sông), 239 (tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam), 242 (tội huỷ hoại nguồn lợi thuỷ sản), 243 (tội huỷ hoại rừng), 244 (tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm), 245 (tội vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, 246 (tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại), 300 (tội tài trợ khủng bố) và 324 (tội rửa tiền) của Bộ luật Hình sự)

**3. Cơ quan, đơn vị, cá nhân nào có trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm?**

**Trả lời:**

Điều 4Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trách nhiệm đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm như sau:

1. Cơ quan Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan khác của Nhà nước, tổ chức, cá nhân phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, giám sát và giáo dục người phạm tội tại cộng đồng.

2. Cơ quan, tổ chức có nhiệm vụ giáo dục những người thuộc quyền quản lý của mình nâng cao cảnh giác, ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa; kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm trong cơ quan, tổ chức của mình.

3. Mọi công dân có nghĩa vụ tích cực tham gia phòng, chống tội phạm.

**4. Nguyên tắc xử lý trong Bộ luật hình sự được quy định như thế nào? Trả lời:**

Điều 3 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định nguyên tắc xử lý trong Bộ luật hình sự như sau:

1. Đối với người phạm tội:

a) Mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b) Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội;

c) Nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

d) Nghiêm trị người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

Khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo, tố giác đồng phạm, lập công chuộc tội, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra;

đ) Đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng, thì có thể áp dụng hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù, giao họ cho cơ quan, tổ chức hoặc gia đình giám sát, giáo dục;

e) Đối với người bị phạt tù thì buộc họ phải chấp hành hình phạt tại các cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội; nếu họ có đủ điều kiện do Bộ luật này quy định, thì có thể được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện;

g) Người đã chấp hành xong hình phạt được tạo điều kiện làm ăn, sinh sống lương thiện, hòa nhập với cộng đồng, khi có đủ điều kiện do luật định thì được xóa án tích.

2. Đối với pháp nhân phạm tội:

a) Mọi hành vi phạm tội do pháp nhân thực hiện phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật;

b) Mọi pháp nhân phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế;

c) Nghiêm trị pháp nhân phạm tội dùng thủ đoạn tinh vi, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

d) Khoan hồng đối với pháp nhân thương mại tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra.

**5. Thế nào thì bị coi là cố ý phạm tội?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 10 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì cố ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:

- Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra;

- Người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng vẫn có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra.

**6. Thế nào thì được coi là vô ý phạm tội ?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 11 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì vô ý phạm tội là phạm tội trong những trường hợp sau đây:

- Người phạm tội tuy thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội nhưng cho rằng hậu quả đó sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được;

- Người phạm tội không thấy trước hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó.

**7. Tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 12 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 3, Điều 1Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà Bộ luật này có quy định khác.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các điều 123 (Tội giết người), 134 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của người khác), 141 (Tội hiếp dâm), 142 (Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), 143 (tội cưỡng dâm), 144 (tội cưỡng dâm từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), 150 (tội mua bán người), 151(tội mua bán người dưới 16 tuổi), 168 (tội cướp tài sản), 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), 170 (tội cưỡng đoạt tài sản); 171 (tội cướp giật tài sản); 173 (tội trộm cắp tài sản); 178 (tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy); 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy); 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy); 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy); 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy), 265 (tội tổ chức đua xe trái phép); 266 (tội đua xe trái phép), 286 (tội phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); 287 (tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử); 289 (tội xâm nhập trái phép vào mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử của người khác); 290 (tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản), 299 (tội khủng bố); 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia); 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự) của Bộ luật Hình sự.

**8. Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 13Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

**9. Người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội do sự kiện bất ngờ có phải chịu trách nhiệm hình sự không ?**

**Trả lời:**

Điều 20Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người thực hiện hành vi gây hậu quả nguy hại cho xã hội trong trường hợp không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**10. Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi thì có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 21Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

**11. Phòng vệ chính đáng là gì và có phải là tội phạm không? Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là gì? Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 22Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Phòng vệ chính đáng là hành vi của người vì bảo vệ quyền hoặc lợi ích chính đáng của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà chống trả lại một cách cần thiết người đang có hành vi xâm phạm các lợi ích nói trên.

Phòng vệ chính đáng không phải là tội phạm.

2. Vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng là hành vi chống trả rõ ràng quá mức cần thiết, không phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi xâm hại.

Người có hành vi vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật này.

**12. Tình thế cấp thiết là gì? Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết có phải là tội phạm không? Trường hợp thiệt hại gây ra vượt quá yêu cầu của tình thiết cấp thiết thì người gây thiệt có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 23Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Tình thế cấp thiết là tình thế của người vì muốn tránh gây thiệt hại cho quyền, lợi ích hợp pháp của mình, của người khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức mà không còn cách nào khác là phải gây một thiệt hại nhỏ hơn thiệt hại cần ngăn ngừa.

Hành vi gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết không phải là tội phạm.

2.Trong trường hợp thiệt hại gây ra rõ ràng vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết, thì người gây thiệt hại đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

**13.  Hành vi sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội có phải là tội phạm không? Trường hợp gây thiệt hại vượt quá mức cần thiết thì người gây thiệt hại có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 24Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hành vi của người để bắt giữ người thực hiện hành vi phạm tội mà không còn cách nào khác là buộc phải sử dụng vũ lực cần thiết gây thiệt hại cho người bị bắt giữ thì không phải là tội phạm.

Trường hợp gây thiệt hại do sử dụng vũ lực rõ ràng vượt quá mức cần thiết, thì người gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm hình sự.

**14. Chuẩn bị phạm tội là gì? Người chuẩn bị phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 14 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm, trừ trường hợp thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm quy định tại Điều 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), điểm a khoản 2 Điều 113 (Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố) hoặc điểm a khoản 2 Điều 299 (Thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố) của Bộ luật Hình sự.

2. Người chuẩn bị phạm tội quy định tại một trong các điều 108 (tội phản bội Tổ quốc), 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), 110 (tội gián điệp); 111 (tội xâm phạm an ninh lãnh thổ); 112 (tội bạo loạn); Điều 113 (tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân), 114 (Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), 115 (Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội), 116 (Tội phá hoại chính sách đoàn kết), 117 (tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam); 118 (tội phá rối an ninh); 119 (tội chống phá trại giam); 120 (tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân); 121 (tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân), 123 (tội giết người); 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 168 (tội cướp tài sản); 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), 207 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả), 299 (tội khủng bố); 300 (tội tài trợ khủng bố); 301 (tội bắt cóc con tin); 302 (tội cướp biển); 303 (tội phá hủy công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia) và 324 (tội rửa tiền) của Bộ luật Hình sự thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chuẩn bị phạm tội quy định tại Điều 123 (tội giết người), Điều 168 (tội cướp tài sản) của Bộ luật Hình sự thì phải chịu trách nhiệm hình sự.

**15. Phạm tội chưa đạt là gì? Người phạm tội chưa đạt có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội.

Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.

**16. Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là gì? Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 16 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là tự mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản.

Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện có đủ yếu tố cấu thành của một tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

**17. Đồng phạm là gì? Những trường hợp nào bị coi là đồng phạm?**

**Trả lời:**

Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.

**18. Như thế nào là che giấu tội phạm? Người che giấu tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 18 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 137, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào không hứa hẹn trước, nhưng sau khi biết tội phạm được thực hiện đã che giấu người phạm tội, dấu vết, tang vật của tội phạm hoặc có hành vi khác cản trở việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội che giấu tội phạm trong những trường hợp mà Bộ luật Hình sự quy định.

2. Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 nêu trên, trừ trường hợp che giấu các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng khác quy định tại Điều 389 của Bộ luật Hình sự (Điều 389. Tội che giấu tội phạm:

1. Người nào không hứa hẹn trước mà che giấu một trong các tội phạm quy định tại các điều sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Bộ luật Hình sự (Người che giấu tội phạm là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội), thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 05 năm:

a) Các điều 108 (Tội phản bội Tổ quốc), 109 (Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân), 110 (Tội gián điệp), 111 (Tội xâm phạm an ninh lãnh thổ), 112 (Tội bạo loạn), 113 (Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân), 114 (Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), 115 (Tội phá hoại việc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội), 116 (Tội phá hoại chính sách đoàn kết), 117 (Tội làm, tàng trữ, phát tán hoặc tuyên truyền thông tin, tài liệu, vật phẩm nhằm chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), 118 (Tội phá rối an ninh), 119 (Tội chống phá cơ sở giam giữ), 120 (Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân) và 121(Tội trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân);

b) Điều 123 (tội giết người), các khoản 2, 3 và 4 Điều 141 (tội hiếp dâm), Điều 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), Điều 144 (tội cưỡng dâm từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), khoản 2 và 3 Điều 146 (tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi), các khoản 1, 2 và 3 Điều 150 (tội mua bán người), các điều 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi), Điều 152 (tội đánh tráo người dưới 01 tuổi), Điều 153 (tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi), Điều 154 (tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người);

c) Điều 168 (tội cướp tài sản), Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), các khoản 2, 3 và 4 Điều 173 (tội trộm cắp tài sản), các khoản 2, 3 và 4 Điều 174 (tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản), các khoản 2, 3 và 4 Điều 175 (tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản), các khoản 2, 3 và 4 Điều 178 (tội huỷ hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản);

d) Khoản 3 và 4 Điều 188 (tội buôn lậu), khoản 3 Điều 189 (tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới), khoản 2 và 3 Điều 190 (tội sản xuất, buôn bán hàng cấm), khoản 2 và 3 Điều 191 (tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm), khoản 2 và 3 Điều 192 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả), các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 193 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm), các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 194 (tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh), các khoản 2, 3 và 4 Điều 195 (tội sản xuất hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi), khoản 2 và khoản 3 Điều 196 (tội đầu cơ), khoản 3 Điều 205 (tội lập quỹ trái phép), các khoản 2, 3 và 4 Điều 206 (tội vi phạm quy định trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài), Điều 207 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả), Điều 208 (tội làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành công cụ chuyển nhượng giả, các giấy tờ có giá giả khác), khoản 2 và khoản 3 Điều 219 (tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí), khoản 2 và khoản 3 Điều 220 (tội vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng), khoản 2 và khoản 3 Điều 221 (tội vi phạm quy định của Nhà nước về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng), khoản 2 và khoản 3 Điều 222 (tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng), khoản 2 và khoản 3 Điều 223 (tội thông đồng, bao che cho người nộp thuế gây hậu quả nghiêm trọng), khoản 2 và khoản 3 Điều 224 (tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng);

đ) Khoản 2 và khoản 3 Điều 243 (tội huỷ hoại rừng);

e) Các điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma tuý), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy), 252 (tội chiếm đoạt chất ma tuý),  253 (tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy), khoản 2 Điều 254 (tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển hoặc mua bán phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy), các điều 255 (tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý), 256 (tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý), 257 (tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma tuý) và 258 (tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy), khoản 2 Điều 259 (tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần);

g) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 265 (tội tổ chức đua xe trái phép), các điều 282 (tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thuỷ), 299 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự), Điều 299 (tội khủng bố), Điều 301 (tội bắt cóc con tin), Điều 302 (tội cướp biển), Điều 303 (tội phá huỷ công trình, cơ sở, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia), Điều 304 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự), các khoản 2, 3 và 4 Điều 305 (tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ), các khoản 2, 3 và 4 Điều 309 (tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, phát tán, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân), các khoản 2, 3 và 4 Điều 311 (tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng hoặc mua bán trái phép chất cháy, chất độc), khoản 2 và khoản 3 Điều 329 (tội mua dâm người dưới 18 tuổi);

h) Các khoản 2, 3 và 4 Điều 353 (tội tham ô tài sản), các khoản 2, 3 và 4 Điều 354 (tội nhận hối lộ), các khoản 2, 3 và 4 Điều 355 (tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản), khoản 2 và khoản 3 Điều 356 (tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ), các khoản 2, 3 và 4 Điều 357 (tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ), các khoản 2, 3 và 4 Điều 358 (tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi), các khoản 2, 3 và 4 Điều 359 (tội giả mạo trong công tác), các khoản 2, 3 và 4 Điều 364 (tội đưa hối lộ), các khoản 2, 3 và 4 Điều 365 (tội làm môi giới hối lộ);

i) Khoản 3 và khoản 4 Điều 373 (tội dùng nhục hình), khoản 3 và khoản 4 Điều 374 (tội bức cung), khoản 2 Điều 386 (tội trốn khỏi nơi giam, giữ hoặc trốn khi đang bị áp giải, dẫn giải, đang bị xét xử);

k) Các điều 421, 422, 423, 424 và 425 (về các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh).)

**19. Không tố giác tội phạm là gì? Người không tố giác tội phạm có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Điều 19 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 5, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào biết rõ tội phạm đang được chuẩn bị, đang được thực hiện hoặc đã được thực hiện mà không tố giác, thì phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm.

2. Người không tố giác là ông, bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 nêu trên, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật Hình sự (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Người không tố giác là người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 nêu trên, trừ trường hợp không tố giác các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật Hình sự (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do chính người mà mình bào chữa đang chuẩn bị, đang thực hiện hoặc đã thực hiện mà người bào chữa biết rõ khi thực hiện việc bào chữa.

**20. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như thế nào ? (Đ 27 BL 2015)**

**Trả lời:**

Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật Hình sự  quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

a) 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng;

b) 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng;

c) 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng;

d) 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 nêu trên, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật Hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.

Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 nêu trên, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ.

**21. Những trường hợp nào được miễn trách nhiệm hình sự?**

**Trả lời:**

Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

**-**Khi có quyết định đại xá.

2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;

- Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử, người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa;

- Trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm và lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.

3. Người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả và được người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự.

**22. Hình phạt là gì?**

**Trả lời:**

Điều 30 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Toà án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân đó.

**23. Có mấy loại hình phạt và gồm những hình phạt gì?**

**Trả lời:**

Điều 32 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định có hai loại hình phạt là hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

1. Hình phạt chính bao gồm:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền;

- Cải tạo không giam giữ;

- Trục xuất;

- Tù có thời hạn;

- Tù chung thân;

- Tử hình.

2. Hình phạt bổ sung bao gồm:

- Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

- Cấm cư trú;

- Quản chế;

- Tước một số quyền công dân;

- Tịch thu tài sản;

- Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;

- Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.

3. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung.

**24. Hình phạt cảnh cáo được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**

Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định cảnh cáo được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhưng chưa đến mức miễn hình phạt.

**25. Phạt tiền được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**

Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với các trường hợp sau đây:

- Người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định;

- Người phạm tội rất nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, trật tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.

2. Hình phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm tội về tham nhũng, ma tuý hoặc những tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.

3. Mức phạt tiền được quyết định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả, nhưng không được thấp hơn 1.000.000 đồng.

4. Hình phạt tiền đối với pháp nhân phạm tội được quy định tại Điều 77 của Bộ luật Hình sự.

**26. Cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng do Bộ luật Hình sự quy định mà đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng nếu xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội.

Nếu người bị kết án đã bị tạm giữ, tạm giam thì thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

2. Tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú  để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3. Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án.

Không khấu trừ thu nhập đối với người chấp hành án là người đang thực hiện nghĩa vụ quân sự.

4. Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 06 tháng tuổi, người già yếu, người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

**27. Tù có thời hạn là gì?**

**Trả lời:**Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Tù có thời hạn là buộc người bị kết án phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định.

Tù có thời hạn đối với người phạm một tội có mức tối thiểu là 03 tháng và mức tối đa là 20 năm.

Thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù, cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 01 ngày tù.

2. Không áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng do vô ý và có nơi cư trú rõ ràng.

**28. Tù chung thân được áp dụng đối với đối tượng nào ?**

**Trả lời:**Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tù chung thân là hình phạt tù không thời hạn được áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nhưng chưa đến mức bị xử phạt tử hình.

Không áp dụng hình phạt tù chung thân đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

**29. Tử hình là gì và được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**Điều 40 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội xâm phạm an ninh quốc gia, xâm phạm tính mạng con người, các tội phạm về ma túy, tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác do Bộ luật Hình sự quy định.

2. Không áp dụng hình phạt tử hình đối với người dưới 18 tuổi khi phạm tội, phụ nữ có thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi hoặc người đủ 75 tuổi trở lên khi phạm tội hoặc khi xét xử.

3. Không thi hành án tử hình đối với người bị kết án nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi;

b) Người đủ 75 tuổi trở lên;

c) Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn.

4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 nêu trên hoặc trường hợp người bị kết án tử hình được ân giảm, thì hình phạt tử hình được chuyển thành tù chung thân.

**30. Cấm cư trú là gì?**

**Trả lời:**Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú hoặc thường trú ở một số địa phương nhất định.

Thời hạn cấm cư trú là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**31. Quản chế là gì và áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**Điều 43 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định quản chế là buộc người bị kết án phạt tù phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định dưới sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Trong thời gian quản chế, người bị kết án không được tự ý ra khỏi nơi cư trú, bị tước một số quyền công dân (quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước; quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân) và bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Quản chế được áp dụng đối với người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ luật Hình sự quy định.

Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

**32. Tước một số quyền công dân được áp dụng trong trường hợp nào và những quyền công bị tước là những quyền gì? (Điều 44 BL 2015)**

**Trả lời:**Điều 44 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định Công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do Bộ luật này quy định thì bị tước một hoặc một số quyền công dân sau đây:

- Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước;

- Quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Thời hạn tước một số quyền công dân là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

**33. Tịch thu tài sản là gì và áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**Điều 45 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước.

Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma tuý, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật Hình sự quy định.

Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống.

**34. Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tịch thu tiêu hủy được áp dụng đối với:

- Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội;

- Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội;

- Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

2. Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp.

3. Vật, tiền là tài sản của người khác, nếu người này có lỗi trong việc để cho người phạm tội sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, thì có thể bị tịch thu.

**35. Việc trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội phải trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra.

Trong trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, Tòa án buộc người phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại.

**36. Bắt buộc chữa bệnh được áp dụng trong trường hợp nào?** (**Điều 49 BL 2015**)

**Trả lời:**Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định đối với người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần, một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, Viện kiểm sát hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh.

Đối với người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.

Đối với người đang chấp hành hình phạt tù mà bị bệnh tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, Tòa án có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, nếu không có lý do khác để miễn chấp hành hình phạt, thì người đó phải tiếp tục chấp hành hình phạt.

Thời gian bắt buộc chữa bệnh được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

**37. Những tình tiết nào là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ?**

**Trả lời:**Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;

b) Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả;

c) Phạm tội trong trường hợp vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng;

d) Phạm tội trong trường hợp vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

đ) Phạm tội trong trường hợp vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội;

e) Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra;

g) Phạm tội vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không phải do mình tự gây ra;

h) Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn;

i) Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng;

k) Phạm tội vì bị người khác đe doạ hoặc cưỡng bức;

l) Phạm tội trong trường hợp bị hạn chế khả năng nhận thức mà không phải do lỗi của mình gây ra;

m) Phạm tội do lạc hậu;

n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;

o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;

p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng;

q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

r) Người phạm tội tự thú;

s) Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

t) Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án;

u) Người phạm tội đã lập công chuộc tội;

v) Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác;

x) Người phạm tội là người có công với cách mạng hoặc là cha, mẹ, vợ, chồng, con của liệt sĩ.

2. Khi quyết định hình phạt, Toà án có thể coi đầu thú hoặc tình tiết khác là tình tiết giảm nhẹ, nhưng phải ghi rõ lý do giảm nhẹ trong bản án.

3. Các tình tiết giảm nhẹ đã được Bộ luật Hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung thì không được coi là tình tiết giảm nhẹ trong khi quyết định hình phạt.

**38. Những tình tiết nào là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự?**

**Trả lời:**Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Chỉ các tình tiết sau đây mới là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

a) Phạm tội có tổ chức;

b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội;

d) Phạm tội có tính chất côn đồ;

đ) Phạm tội vì động cơ đê hèn;

e) Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng;

g) Phạm tội 02 lần trở lên;

h) Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm;

i) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên;

k) Phạm tội đối với người ở trong tình trạng không thể tự vệ được, người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng, người bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác;

l) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp, thiên tai, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để phạm tội;

m) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt hoặc tàn ác để phạm tội;

n) Dùng thủ đoạn hoặc phương tiện có khả năng gây nguy hại cho nhiều người để phạm tội;

o) Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội;

p) Có hành động xảo quyệt hoặc hung hãn nhằm trốn tránh hoặc che giấu tội phạm.

2. Các tình tiết đã được Bộ luật Hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng.

**39. Tái phạm là gì? Trường hợp nào được coi là tái phạm nguy hiểm?**

**Trả lời:**Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Tái phạm là trường hợp đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý hoặc thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý.

2. Những trường hợp sau đây được coi là tái phạm nguy hiểm:

- Đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

- Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

**40. Một người phạm nhiều tội đưa ra xét xử cùng một lần thì quyết định hình phạt như thế nào? (Đ 55 BL 2015)**

**Trả lời:**

Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định khi xét xử cùng 01 lần một người phạm nhiều tội, Toà án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

1. Đối với hình phạt chính:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 nêu trên;

c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;

đ) Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

e) Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác.

2. Đối với hình phạt bổ sung:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên là cùng loại thì hình phạt chung được quyết định trong giới hạn do Bộ luật này quy định đối với loại hình phạt đó; riêng đối với hình phạt tiền thì các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là khác loại thì người bị kết án phải chấp hành tất cả các hình phạt đã tuyên.

**41. Trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt thì quyết định hình phạt như thế nào?**

**Trả lời:**Điều 57 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Đối với hành vi chuẩn bị phạm tội và hành vi phạm tội chưa đạt, hình phạt được quyết định theo các điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm tương ứng tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, mức độ thực hiện ý định phạm tội và những tình tiết khác khiến cho tội phạm không thực hiện được đến cùng.

2. Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể.

3. Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định.

**42. Trường hợp đồng phạm thì quyết định hình phạt như thế nào?**

**Trả lời:**Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Toà án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.

**43. Trường hợp nào được miễn hình phạt?**

**Trả lời:**Điều 59 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người phạm tội có thể được miễn hình phạt nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự (1. Toà án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật khi người phạm tội có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định; 2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể) mà đáng được khoan hồng đặc biệt nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự.

**44. Thời hiệu thi hành bản án hình sự được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật Hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó người bị kết án, pháp nhân bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.

2. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với người bị kết án được quy định như sau:

a) 05 năm đối với các trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc xử phạt tù từ 03 năm trở xuống;

b) 10 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 03 năm đến 15 năm;

c) 15 năm đối với các trường hợp xử phạt tù từ trên 15 năm đến 30 năm;

d) 20 năm đối với các trường hợp xử phạt tù chung thân hoặc tử hình.

3. Thời hiệu thi hành bản án hình sự đối với pháp nhân là 05 năm.

4. Thời hiệu thi hành bản án hình sự được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 nêu trên, người bị kết án, pháp nhân bị kết án lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.

5. Trong thời hạn quy định tại khoản 2 nêu trên, người bị kết án cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ ngày người đó ra trình diện hoặc bị bắt giữ.

**45. Những trường hợp nào được miễn chấp hành hình phạt?**

**Trả lời:**Điều 62 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người bị kết án được miễn chấp hành hình phạt khi được đặc xá hoặc đại xá.

2. Người bị kết án cải tạo không giam giữ hoặc tù có thời hạn đến 03 năm chưa chấp hành hình phạt thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành hình phạt, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sau khi bị kết án đã lập công;

- Mắc bệnh hiểm nghèo;

- Chấp hành tốt pháp luật, có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

3. Người bị kết án phạt tù có thời hạn trên 03 năm, chưa chấp hành hình phạt nếu đã lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

4. Người bị kết án phạt tù đến 03 năm, đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, nếu trong thời gian được tạm đình chỉ mà đã lập công hoặc chấp hành tốt pháp luật, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn và xét thấy người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

5. Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại hoặc lập công lớn thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết đinh miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại.

6. Người bị phạt cấm cư trú hoặc quản chế, nếu đã chấp hành được một phần hai thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, thì theo đề nghị của cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện nơi người đó chấp hành hình phạt, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

7. Người được miễn chấp hành hình phạt vẫn phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ dân sự do Tòa án tuyên trong bản án.

**46. Án treo là gì?**

**Trả lời:**Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Khi xử phạt tù không quá 03 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, nếu xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, thì Tòa án cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách từ 01 năm đến 05 năm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

2. Trong thời gian thử thách, Toà án giao người được hưởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

3.Tòa án có thể quyết định áp dụng đối với người được hưởng án treo hình phạt bổ sung nếu trong điều luật áp dụng có quy định hình phạt này.

4. Người được hưởng án treo đã chấp hành được một phần hai thời gian thử thách và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm giám sát, giáo dục, Toà án có thể quyết định rút ngắn thời gian thử thách.

5. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm  nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

**47. Trường hợp nào được hoãn chấp hành hình phạt tù?**

**Trả lời:**Điều 67 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người bị xử phạt tù có thể được hoãn chấp hành hình phạt trong các trường hợp sau đây:

- Bị bệnh nặng thì được hoãn cho đến khi sức khỏe được hồi phục;

- Phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi;

- Là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt, được hoãn đến 01 năm, trừ trường hợp người đó bị kết án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

- Bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, do nhu cầu công vụ, thì được hoãn đến 01 năm.

2. Trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù, nếu người được hoãn chấp hành hình phạt lại thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Toà án buộc người đó phải chấp hành hình phạt trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định.

**48. Trường hợp nào được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù?**

**Trả lời:**Điều 68 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người đang chấp hành hình phạt tù mà thuộc một trong các trường hợp được hoãn chấp hành hình phạt tù, thì có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Thời gian tạm đình chỉ không được tính vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

**49. Xóa án tích là gì?**

**Trả lời:**Điều 69 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người bị kết án được xoá án tích theo quy định tại các điều từ Điều 70 (Đương nhiên được xoá án tích), Điều 71 (Xoá án tích theo quyết định của Toà án), Điều 72 (Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt) đến Điều 73 (Cách tính thời hạn để xoá án tích) của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Người được xoá án tích coi như chưa bị kết án.

Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích.

**50. Trường hợp nào được đương nhiên xóa án tích?**

**Trả lời:**Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Đương nhiên được xoá án tích được áp dụng đối với người bị kết án không phải về các tội quy định tại Chương XIII (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXVI (các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của Bộ luật Hình sự khi họ đã chấp hành xong hình phạt chính, thời gian thử thách án treo hoặc hết thời hiệu thi hành bản án và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 dưới đây.

2. Người bị kết án đương nhiên được xoá án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 02 năm trong trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại các điểm a, b và c nêu trên thì thời hạn đương nhiên được xoá án tích sẽ hết vào thời điểm người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị kết án đương nhiên được xoá án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 nêu trên.

4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp có trách nhiệm cập nhật thông tin về tình hình án tích của người bị kết án và khi có yêu cầu thì cấp phiếu lý lịch tư pháp xác nhận không có án tích, nếu có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 nêu trên.

**51. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 71 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 10, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Xóa án tích theo quyết định của Tòa án được áp dụng đối với người bị kết án về một trong các tội quy định tại Chương XIII (các tội xâm phạm an ninh quốc gia) và Chương XXVI (các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh) của Bộ luật Hình sự. Tòa án quyết định việc xóa án tích đối với người bị kết án căn cứ vào tính chất của tội phạm đã thực hiện, thái độ chấp hành pháp luật, thái độ lao động của người bị kết án và các điều kiện quy định tại khoản 2 dưới đây.

2. Người bị kết án được Tòa án quyết định việc xóa án tích, nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo, người đó đã chấp hành xong hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án và không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

a) 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo;

b) 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

c) 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

d) 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án.

Trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt bổ sung là quản chế, cấm cư trú, tước một số quyền công dân mà thời hạn phải chấp hành dài hơn thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì Tòa án quyết định việc xóa án tích từ khi người đó chấp hành xong hình phạt bổ sung.

3. Người bị Tòa án bác đơn xin xóa án tích lần đầu, thì sau 01 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích; nếu bị bác đơn lần thứ hai trở đi, thì sau 02 năm kể từ ngày bị Tòa án bác đơn mới được xin xóa án tích.

**52. Xoá án tích trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều72 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định trong trường hợp người bị kết án có những biểu hiện tiến bộ rõ rệt và đã lập công, được cơ quan, tổ chức nơi người đó công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người đó cư trú đề nghị, thì Toà án quyết định việc xoá án tích nếu người đó đã bảo đảm được ít nhất một phần ba thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 ( 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo; 02 năm trong trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; 03 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án) và khoản 2 Điều 71 ( 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo; 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án) của Bộ luật Hình sự.

**53. Cách tính thời hạn để xoá án tích được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều73 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

Thời hạn để xoá án tích trong trường hợp đương nhiên được xóa án tích và xóa án tích theo quyết định của Tòa án căn cứ vào hình phạt chính đã tuyên.

Người bị kết án chưa được xoá án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xoá án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành.

Người bị kết án trong trường hợp phạm nhiều tội mà có tội thuộc trường hợp đương nhiên được xoá án tích, có tội thuộc trường hợp xoá án tích theo quyết định của Toà án thì căn cứ vào thời hạn quy định tại Điều 71  ( 01 năm trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù nhưng được hưởng án treo; 03 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm; 05 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm; 07 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm, tù chung thân hoặc tử hình nhưng đã được giảm án) của Bộ luật Hình sự Tòa án quyết định việc xoá án tích đối với người đó.

Người được miễn chấp hành phần hình phạt còn lạicũng được coi như đã chấp hành xong hình phạt.

**54. Việc áp dụng Bộ luật hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**Điều90 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật Hình sự không trái với quy định của Chương này.

**55. Việc xử lý đối với người dưới 18 tuổi  phạm tội phải tuân theo nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 14, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội như sau:

1.Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tộiphải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi vàchủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

2.Người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục phần lớn hậu quả, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 29 (quy định căn cứ miễn trách nhiệm hình sự) của Bộ luật Hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự và  áp dụng một trong các biện pháp quy định tại Mục 2 Chương XII (các biện pháp: khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn):

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự;

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng quy định tại khoản 2 Điều 12 của Bộ luật Hình sự, trừ tội phạm quy định tại các điều 123 (tội giết người), 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), 150 (tội mua bán người), 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi), 168 (tội cướp tài sản), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự;

c) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

3. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào những đặc điểm về nhân thân của họ, tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm.

4. Khi xét xử, Toà án chỉ áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nếu xét thấy việc miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng một trong các biện pháp khiển trách, hòa giải tại cộng đồng hoặc biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc việc áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng không bảo đảm hiệu quả giáo dục, phòng ngừa.

5. Không xử phạt tù chung thân hoặc tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

6. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi xét thấy các hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, phòng ngừa.

Khi xử phạt tù có thời hạn, Toà án cho người dưới 18 tuổi phạm tội được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng và với thời hạn thích hợp ngắn nhất.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

7. Án đã tuyên đối với người chưa đủ 16 tuổi phạm tội, thì không tính để xác định tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm.

**56. Trong trường hợp nào thì áp dụng biện pháp khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?**

**Trả lời:**

Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 15, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Khiển trách được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây nhằm giúp họ nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả gây ra đối với cộng đồng, xã hội và nghĩa vụ của họ:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi lần đầu phạm tội ít nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự (Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự);

b) Người dưới 18 tuổi là người đồng phạm có vai trò không đáng kể trong vụ án.

  2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án quyết định áp dụng biện pháp khiển trách. Việc khiển trách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phải có sự chứng kiến của cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người dưới 18 tuổi.

3. Người bị khiển trách phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc;

b) Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

c) Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp.

4. Tuỳ từng trường hợp cụ thể cơ quan có thẩm quyền ấn định thời gian thực hiện các nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 nêu trên từ 03 tháng đến 01 năm.

**Câu 57. Hoà giải tại cộng đồng được áp dụng trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 94 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 16, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Hòa giải tại cộng đồng được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự (Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự);

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự (Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 123 (tội giết người), 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), 150 (tội mua bán người), 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi), 168 (tội cướp tài sản), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự).

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức việc hòa giải tại cộng đồng khi người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại đã tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự.

3. Người được áp dụng biện pháp hòa giải tại cộng đồng phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Xin lỗi người bị hại và bồi thường thiệt hại;

b) Nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật Hình sự (Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp).

4. Tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền ấn định thời điểm xin lỗi, thời gian thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại quy định tại điểm a khoản 3 nêu trên và nghĩa vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 93 (Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp) của Bộ luật Hình sự từ 03 tháng đến 01 năm.

**58. Giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong các trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 95 Bộ luật Hình sự năm 2015; Khoản 17, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng hoặc phạm tội nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự (Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự);

b) Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Hình sự (Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng, trừ tội phạm quy định tại các điều 123 (tội giết người), 134 (tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác), 141 (tội hiếp dâm), 142 (tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi), 144 (tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi), 150 (tội mua bán người), 151 (tội mua bán người dưới 16 tuổi), 168 (tội cướp tài sản), 171 (tội cướp giật tài sản), 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), 249 (tội tàng trữ trái phép chất ma túy), 250 (tội vận chuyển trái phép chất ma túy), 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy) của Bộ luật Hình sự).

2. Người được Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức giám sát, giáo dục phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành đầy đủ nghĩa vụ về học tập, lao động;

b) Chịu sự giám sát, giáo dục của gia đình, xã, phường, thị trấn;

c) Không đi khỏi nơi cư trú khi không được phép;

d) Các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 93 của Bộ luật Hình sự (Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy chế của nơi cư trú, học tập, làm việc; Trình diện trước cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu; Tham gia các chương trình học tập, dạy nghề do địa phương tổ chức, tham gia lao động với hình thức phù hợp).

3. Nếu người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã chấp hành một phần hai thời hạn và có nhiều tiến bộ thì theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao trách nhiệm giám sát, giáo dục, cơ quan đã áp dụng biện pháp này có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**59. Biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được áp dụng trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 96 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhToà án có thể áp dụng biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng từ 01 năm đến 02 năm đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, nếu thấy do tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội, do nhân thân và môi trường sống của người đó mà cần đưa người đó vào một tổ chức giáo dục có kỷ luật chặt chẽ.

Người được giáo dục tại trường giáo dưỡng phải chấp hành đầy đủ những nghĩa vụ về học tập, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

**60. Việc chấm dứt trước thời hạn biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng được quyết định trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Điều 97 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhnếu người được giáo dục tại trường giáo dưỡng đã chấp hành một phần hai thời hạn, có nhiều tiến bộ, thì theo đề nghị của trường giáo dưỡng được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục, Tòa án có thể quyết định chấm dứt thời hạn giáo dục tại trường giáo dưỡng.

**61. Những hình phạt nào được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội?**

**Trả lời:**

Điều 98 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhngười dưới 18 tuổi phạm tội chỉ bị áp dụng một trong các hình phạt sau đây đối với mỗi tội phạm:

1. Cảnh cáo;

2. Phạt tiền;

3. Cải tạo không giam giữ;

4. Tù có thời hạn.

**62. Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền trong trường hợp nào? Trả lời:**

Điều 99 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhphạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.

Mức phạt tiền đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.

**63. Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với đối tượng nào?**

**Trả lời:**

Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhhình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

Khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

**64. Mức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhmức phạt tù có thời hạn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định như sau:

- Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

- Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

**65. Trong trường hợp nào thì người dưới 18 tuổi phạm tội được giảm mức hình phạt đã tuyên?**

**Trả lời:**

Điều 105 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy địnhngười dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu có tiến bộ và đã chấp hành được một phần tư thời hạn, thì được Toà án xét giảm; riêng đối với hình phạt tù, mỗi lần có thể giảm đến 04 năm nhưng phải bảo đảm đã chấp hành ít nhất là hai phần năm mức hình phạt đã tuyên.

Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù, nếu lập công hoặc mắc bệnh hiểm nghèo, thì được xét giảm ngay và có thể được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại.

Người dưới 18 tuổi phạm tội bị phạt tiền nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra hoặc lập công lớn, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát, Toà án có thể quyết định giảm hoặc miễn việc chấp hành phần tiền phạt còn lại.

**66. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện nào?**

**Trả lời:**Điều 106 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

1. Người dưới 18 tuổi đang chấp hành án phạt tù, nếu không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 66 Bộ luật Hình sự (Người bị kết án về tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội khủng bố; tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh hoặc người bị kết án từ 10 năm tù trở lên đối với tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm của con người; 07 năm tù trở lên đối với các tội cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và sản xuất trái phép, mua bán trái phép, chiếm đoạt chất ma túy; Người bị kết án tử hình được ân giảm hoặc thuộc trường hợp phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; Người đủ 75 tuổi trở lên; Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất ba phần tư tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn) có thể được tha tù trước hạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Phạm tội lần đầu;

b) Có nhiều tiến bộ, có ý thức cải tạo tốt;

c) Đã chấp hành được một phần ba thời hạn phạt tù;

d) Có nơi cư trú rõ ràng.

2. Việc tha tù trước thời hạn có điều kiện được thực hiện theo quy định của Bộ luật này.

**67. Người dưới 18 tuổi bị kết án được xoá án tích trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

+ Người dưới 18 tuổi bị kết án được coi là không có án tích, nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý;

- Người bị áp dụng biện pháp tư pháp theo quy định.

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đương nhiên được xóa án tích nếu từ khi chấp hành xong hình phạt chính hoặc hết thời gian thử thách án treo hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn sau đây:

- 06 tháng trong trường hợp bị phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù nhưng được hưởng án treo;

- 01 năm trong trường hợp bị phạt tù đến 05 năm;

- 02 năm trong trường hợp bị phạt tù từ trên 05 năm đến 15 năm;

- 03 năm trong trường hợp bị phạt tù trên 15 năm.

**68. Cháu tôi hiện đang bị cơ quan công an tạm giam vì tội cố ý gây thương tích. Tôi đứng ra để bảo lĩnh cho cháu. Tuy nhiên hiện tại cháu đã bỏ trốn, tôi không liên hệ được. Xin hỏi trường hợp này tôi là người bảo lĩnh có phải chịu trách nhiệm không và nếu có thì chịu trách nhiệm như thế nào?**

**Trả lời :**

Điều 121 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 quy định như sau:

“Điều 121. Bảo lĩnh

1. Bảo lĩnh là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lĩnh.

2. Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan, tổ chức nhận bảo lĩnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

Cá nhân là người đủ 18 tuổi trở lên, nhân thân tốt, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thu nhập ổn định và có điều kiện quản lý người được bảo lĩnh thì có thể nhận bảo lĩnh cho bị can, bị cáo là người thân thích của họ và trong trường hợp này thì ít nhất phải có 02 người. Cá nhân nhận bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan có xác nhận của chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập.

Trong giấy cam đoan, cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh phải cam đoan không để bị can, bị cáo vi phạm các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh được thông báo về những tình tiết của vụ án liên quan đến việc nhận bảo lĩnh.

3. Bị can, bị cáo được bảo lĩnh phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ:

a) Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan;

b) Không bỏ trốn hoặc tiếp tục phạm tội;

c) Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này.

Trường hợp bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan quy định tại khoản này thì bị tạm giam.

4. Những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra quyết định bảo lĩnh. Quyết định của những người quy định tại điểm a khoản 1 Điều 113 của Bộ luật này phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

5. Thời hạn bảo lĩnh không được quá thời hạn điều tra, truy tố hoặc xét xử theo quy định của Bộ luật này. Thời hạn bảo lĩnh đối với người bị kết án phạt tù không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm người đó đi chấp hành án phạt tù.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận bảo lĩnh để bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị phạt tiền theo quy định của pháp luật.”

Như vậy trong trường hợp của bạn đã đứng ra bảo lĩnh cho cháu bạn được [tại ngoại](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/tai-ngoai-la-gi-230-34906-article.html), tuy nhiên cháu bạn đã bỏ trốn và không liên hệ được thì bạn phải chịu trách nhiệm theo nội dung bảo lĩnh của bạn, tùy theo mức độ vi phạm và tính chất hành vi vi phạm của cháu bạn mà bạn có thể bị [phạt tiền](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/vi-pham-hanh-chinh-la-gi-570-89988-article.html) theo quy định của pháp luật.

**69. Chiều tối ngày 27/8/2022, sau khi làm việc xong tôi có nhậu với đám bạn tại một quán nhậu, trên đường về nhà, tôi thấy một bé gái (khoảng 11 tuổi) đang đi một mình nên tôi nảy sinh ý định quan hệ tình dục với bé gái này. Tôi khống chế bé gái vào bãi đất trống, sau đó tiến hành thực hiện hành vi, tuy nhiên vì say rượu nên tôi chưa thực hiện được hành vi quan hệ, tôi bỏ về. Xin hỏi, với trường hợp của tôi thì tôi có bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay không?**

**Trả lời:**

Liên quan đến nội dung này, Điều 142 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) ([sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html)) quy định như sau:

“Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Dùng vũ lực, đe doạ dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;

b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.”

Căn cứ quy định trên, người nào thực hiện hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm.

Khái niệm “Hành vi quan hệ tính dục khác” được hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết [06/2019/NQ-HĐTP](https://luatvietnam.vn/hinh-su/nghi-quyet-06-2019-nq-hdtp-huong-dan-xet-xu-xam-hai-tinh-duc-nguoi-duoi-18-tuoi-177446-d1.html) như sau:

“Hành vi quan hệ tình dục khác quy định tại khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142, khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 144 và khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là hành vi của những người cùng giới tính hay khác giới tính sử dụng bộ phận sinh dục nam, bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, miệng, hậu môn của người khác với bất kỳ mức độ xâm nhập nào, bao gồm một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa bộ phận sinh dục nam xâm nhập vào miệng, hậu môn của người khác;

b) Dùng bộ phận khác trên cơ thể (ví dụ: ngón tay, ngón chân, lưỡi...), dụng cụ tình dục xâm nhập vào bộ phận sinh dục nữ, hậu môn của người khác.”

Căn cứ các quy định trên, nếu thực hiện một trong các hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi dù chưa giao cấu, người thực hiện sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

Đối với hành vi của bạn, nếu trong lúc say rượu, bạn đã thực hiện một trong các [hành vi quan hệ tình dục khác](https://luatvietnam.vn/tin-van-ban-moi/huong-dan-hanh-vi-quan-he-tinh-duc-khac-186-22559-article.html) nêu trên thì bạn đã phạm tội hiếp dâm và có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi.

**70. Gia đình tôi có mâu thuẫn nên xảy ra xô xát. Trong lúc tức giận, tôi đã nhỡ tay đập vỡ tài sản có giá trị trong gia đình. Thiệt hại ước tính khoảng 150 triệu đồng. Vợ tôi nói rằng sẽ kiện tôi vì tội hủy hoại tài sản. Tuy nhiên, đó thực chất là tài sản của tôi. Vậy cho tôi hỏi là nếu trong trường hợp tôi phá hoại tài sản của mình có bị phạt không?**

**Trả lời:**

Chào bạn, với câu hỏi của bạn, chúng tôi có ý kiến tư vấn như sau:

Tại khoản 1 Điều 178 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), được sửa đổi bổ sung bởi khoản 36 Điều 1 [Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) có quy định như sau:

“36. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 ... Điều 178 như sau:

“1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

Theo thông tin bạn cung cấp thì tài sản đó có giá trị khoảng 150 triệu đồng và thuộc sở hữu của bạn. Trong khi đó, khách thể của tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản là quyền sở hữu tài sản của người khác, không bao gồm uyền sở hữu tài sản của bản thân.

Mặt khác, nếu bạn là chủ sở hữu tài sản đó thì căn cứ theo quy định tại Điều 158 [Bộ luật Dân sự 2015](https://luatvietnam.vn/dan-su/bo-luat-dan-su-nam-2015-101333-d1.html), bạn có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tài sản thuộc sở hữu của mình.

Do đó, nếu bạn tự phá hoại tài sản thuộc sở hữu của bạn thì bạn không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác.

**71. Tôi hiện tại đang là Chủ tịch UBND huyện X. Ngày 14/6/2022, tôi có tiếp nhận được thông báo từ cơ quan công an về việc tiếp nhận đơn tố cáo của anh A về việc tôi có thực hiện hanh vi tham nhũng. Tuy nhiên, anh A không cung cấp được những bằng chứng, chứng cứ về việc tôi tham nhũng. Vậy trong trường hợp này, tôi có thể đề nghị cơ quan công an xử lý anh A về tội vu khống được không?**

**Trả lời:**

Điều 30 [Hiến pháp 2013](https://luatvietnam.vn/tu-phap/hien-phap-18-2013-l-ctn-quoc-hoi-83320-d1.html) quy định:“Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân.”.

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 2 [Luật Tố cáo 2018](https://luatvietnam.vn/khieu-nai/luat-to-cao-nam-2018-164912-d1.html), tố cáo là việc cá nhân theo thủ tục quy định của Luật này báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Theo quy định trên, tố cáo là một trong những quyền cơ bản của công dân, được pháp luật ghi nhận và bảo đảm thực hiện. Tuy nhiên, bên cạnh các quyền thì người tố cáo cũng phải tuân thủ các nghĩa vụ theo ghi nhận tại khoản 2 Điều 9 Luật Tố cáo hiện hành, bao gồm:

- Cung cấp thông tin cá nhân;

- Trình bày trung thực về nội dung tố cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung tố cáo;

- Hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu;

- Bồi thường thiệt hại do hành vi cố ý tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

Đồng thời, khoản 10 Điều 8 Luật này cũng nghiêm cấm cá nhân có hành vi cố ý tố cáo sai sự thật; cưỡng ép, lôi kéo, kích động, dụ dỗ, mua chuộc người khác tố cáo sai sự thật; sử dụng họ tên của người khác để tố cáo.

Do đó, tố cáo không có bằng chứng là người tố cáo không thực hiện đúng nghĩa vụ là cung cấp thông tin và nội dung tố cáo được cơ quan chức năng cho là sai sự thật thì hành vi tố cáo này có thể bị coi là bịa đặt, vu khống. Người bị tố cáo có quyền (Khoản 1 Điều 10 Luật Tố cáo 2018) yêu cầu cơ quan công an xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khởi kiện ra tòa tùy theo tính chất, mức độ vi phạm (Điều 63 Luật Tố cáo 2018) để bảo vệ quyền lợi của mình.

Theo điểm b khoản 1 Điều 156 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi, bổ sung 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html), người có hành vi bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [Tội vu khống](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/bi-nguoi-khac-vu-khong-to-cao-nhu-the-nao-230-31192-article.html) với mức phạt tù lên đến 07 năm. Cụ thể:

1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Bịa đặt hoặc loan truyền những điều biết rõ là sai sự thật nhằm xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự hoặc gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác;

b) Bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Đối với 02 người trở lên;

d) Đối với ông, bà, cha, mẹ, người dạy dỗ, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh cho mình;

đ) Đối với người đang thi hành công vụ;

e) Sử dụng mạng máy tính hoặc mạng viễn thông, phương tiện điện tử để phạm tội;

g) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;

h) Vu khống người khác phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Vì động cơ đê hèn;

b) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;

c) Làm nạn nhân tự sát.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Lưu ý: Người phạm tội thuộc trường hợp quy định ở khoản 1 Điều này, cụ thể là thực hiện hành vi bịa đặt người khác phạm tội và tố cáo họ trước cơ quan có thẩm quyền chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự khi người bị hại có yêu cầu khởi tố hình sự.

Do đó, sau khi bạn tiếp nhận được thông báo từ cơ quan công an về việc tiếp nhận đơn tố cáo của anh A về việc bạn có thực hiện hành vi tham nhũng, bạn hoàn toàn có cơ sở để yêu cầu cơ quan thẩm quyền xác minh dấu hiệu hình sự đối với hành vi tố cáo sai sự thật, không cung cấp được bằng chứng của anh A về tội vu khống.

**72. Ngày 20/9/2021, tôi có lái xe trên tuyến đường cao tốc A. Đến trạm thu phí, do mức phi trạm thu phí đưa ra không hợp lí nên tôi từ chối không thanh toán và cố tình dừng xe tại trạm thu phí gây ách tắc giao thông gần 2 tiếng. Vậy trong trường hợp trên, tôi có phạm tội gây rối trật tự công cộng với tình tiết gây cản trở giao thông nghiêm trọng không? Tôi sẽ bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

[Gây rối trật tự công cộng](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/nghi-dinh-144-2021-tang-loat-muc-phat-ve-trat-tu-xa-hoi-230-34836-article.html) là hành vi vi phạm quy tắc xử sự được đặt ra cho mỗi công dân ở nơi công cộng, xâm phạm tình trạng ổn định trong sinh hoạt chung của xã hội. Là các hành vi xâm phạm đến con người, đến quyền hoặc lợi ích hợp pháp của họ hoặc xâm hại đến quyền sở hữu và diễn ra tại nơi công cộng.

Hành vi gây rối trật tự công cộng tuỳ theo mức độ vi phạm có thể sẽ bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 của Nghị định [144/2021/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-144-2021-nd-cp-quy-dinh-xu-phat-vphc-trong-linh-vuc-an-ninh-trat-tu-an-toan-xa-hoi-215255-d1.html), theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 5 Nghị định [100/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-100-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-giao-thong-179619-d1.html), ở mức độ nghiêm trong trên thì hành vi của bạn có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng được quy định tại Điều 318 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi, bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) như sau:

“Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;

c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;

d) Xúi giục người khác gây rối;

đ) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;

e) Tái phạm nguy hiểm.”

Ở đây, bạn có hành vi lái xe trên tuyến đường cao tốc đến trạm thu phí, bạn từ chối không thanh toán và cố tình dừng xe tại trạm thu phí gây ách tắc giao thông gần 2 tiếng và sẽ có thể phải chịu trách nhiệm hình sự với hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự hiện hành. Bởi:

Về mặt khách quan, người phạm tội gây rối trật tự công cộng thực hiện hành vi gây rối bằng nhiều phương thức khác nhau như: tập trung đông người ở nơi công cộng gây náo động làm mất trật tự công cộng…những nơi tập trung đông người.

Và hậu quả của hành vi gây rối trật tự công cộng là thiệt hại vật chất và phi vật chất được xác định là nghiêm trọng cho xã hội. Theo đó, hậu quả xảy ra mà thuộc một trong các trường hợp sau đây bị coi là “gây hậu quả nghiêm trọng” và phải chịu trách nhiệm hình sự theo Bộ luật Hình sự: Cản trở, ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ…

Đồng thời, hành vi của bạn còn xâm phạm về mặt khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ: xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng trên đường cao tốc, ảnh hưởng tới thời gian, công việc… của những người xung quanh.

Để xác minh tính chất hành vi của bạn có nghiêm trọng và thoải mãn được quy định của điều 318 Bộ luật Hình sự hiện hành thì cơ quan công an phải vào cuộc xác minh làm rõ.

Như vậy, hành vi của bạn đã có thể đủ cấu thành tội gây rối trật tự công cộng theo quy định trên với tình tiết gây cản trở giao thông nghiêm trọng.

**73. Ngày 4/4/2022, tôi có ngồi ăn chung với anh A. Anh A do đang thiếu tiền nên có ý định thuê xe ô tô để mang đi cầm cố. Tôi có giới thiệu cho anh A đến công ty X chuyên cho thuê xe ô tô. Vậy trong trường hợp trên, tôi có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Như nội dung bạn trình bày, anh A đang thiếu tiền nên có ý định thuê xe ô tô mang đi cầm cố. Biết được việc này, bạn đã giới thiệu anh A đến công ty X chuyên cho thuê xe ô tô.

Hành vi thuê xe ô tô sau đó mang đi cầm cố là hành vi vi phạm pháp luật, có thể bị truy tố với tội danh “[Lừa đảo chiếm đoạt tài sản](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-lua-dao-chiem-doat-tai-san-569-27358-article.html)” hoặc “[Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/lam-dung-tin-nhiem-chiem-doat-tai-san-230-33635-article.html)”.

Trong trường hợp này bạn đã biết được ý định thực hiện hành vi phạm pháp của anh A đó là thuê xe của người khác để mang đi cầm cố. Tuy nhiên, bạn vẫn giới thiệu anh A đến công ty X để thuê xe thì bạn vẫn có thể bị truy tố với vai trò đồng phạm.

Điều 17 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) quy định như sau:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm.

2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện tội phạm.

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm.

4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.”

Căn cứ quy định trên, người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm. Hành vi của người giúp sức có thể ở dưới dạng: cung cấp công cụ, phương tiện phạm tội; cho lời khuyên, lời chỉ dẫn; cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện tội phạm…

Trong trường hợp này, bạn đã chỉ dẫn cho A nơi chuyên cho thuê xe để A thực hiện hành vi phạm tội của mình. Hành vi này của bạn đã tạo điều kiện dễ dàng cho A thực hiện hành vi phạm tội hơn. Mặc dù bạn không trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng có thể bị xem là người giúp sức trong trường hợp này và bị truy tố với cùng tội danh.

Việc quyết định hình phạt đối với đồng phạm căn cứ vào Khoản 2 Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015:

“Điều 54. Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng

2. Tòa án có thể quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng không bắt buộc phải trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật đối với người phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể.

Điều 58. Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm

Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm.

Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng hoặc loại trừ trách nhiệm hình sự thuộc người đồng phạm nào, thì chỉ áp dụng đối với người đó.”

**74. Ngày 1/1/2021, tôi có vay tiền của anh A và có giao cho anh A chiếc xe ô tô X (thuộc quyền sở hữu của tôi) để cầm cố đảm bảo khoản vay. Ngày 22/2/2022, do tôi không trả được nợ nên bên anh A có thông báo là sẽ tháo phụ tùng của xe ô tô để bán. Đêm ngày 23/2/2022, tôi có lẻn vào nhà anh A để lấy lại chiếc xe ô tô X. Sáng hôm sau, anh A không thấy xe và trình báo công an. Vậy trong trường hợp này, tôi có bị xử lý hình sự về tội trộm cắp tài sản không?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 138 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) có quy định về “ Trộm cắp tài sản của người khác”. Cụm từ “người khác” khiến người ta băn khoăn về việc trộm cắp xe của chính mình.

Việc trộm cắp tài sản được hiểu là hành vi chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản của người khác thành của mình. Trên thực tế, hành vi này làm cho chủ sở hữu tài sản hoặc người quản lý tài sản không thể thực hiện được các quyền ( bao gồm quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt) đối với tài sản của họ được giao quản lý, đồng thời những quyền này lại thuộc về người phạm tội và người này có thể thực hiện được các quyền này một cách trái pháp luật.

Trong trường hợp của bạn, trên giấy tờ thì đúng là xe của bạn. Bạn có đầy đủ các quyền như chiếm hữu, sử dụng, định đoạt chiếc xe đó. Tuy nhiên, do thời điểm hiện tại, bạn đã cầm cố chiếc xe X để đảm bảo khoản vay với anh A. Về mặt pháp lý thì hợp đồng cầm cố chiếc xe ô tô X của bạn với anh A đang có hiệu lực pháp luật nên anh A đang là người quản lý, có quyền chiếm hữu đối với chiếc xe ô tô X của bạn.

Trong thời gian mà anh A đang quản lý chiếc xe đó, bạn lẻn vào nhà anh A để lấy lại chiếc xe. Hành vi của bạn mang tính chất lén lút, bí mật là nhằm để che giấu hành vi phạm tội để người quản lý tài sản ( anh A ) không biết về việc chiếm đoạt đó. Chính vì vậy, hành vi của bạn đã đủ điều kiện cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015.

**75. Hiện tại, tôi đang sở hữu tài khoản ngân hàng X. Ngày 24/02/2022, anh A có hỏi mượn thông tin số tài khoản ngân hàng, mất khẩu và điện thoại của tôi để thực hiện giao dịch chuyển tiền. Ngay sau đó, anh A có lừa đảo một người và yêu cầu họ chuyển tiền vào số tài khoản của tôi. Vậy việc tôi cho anh A mươn tài khoản ngân hàng thì có phải là đồng phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản không?**

**Trả lời:**

Điều 17 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) quy định về đồng phạm như sau:

“Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm

2. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm.

3. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm.

Người xúi giục là người kích động, dũ dỗ, thức đẩy người khác thực hiện tội phạm

Người giúp sức là người tạo điều kiện tinh thần hoặc vật chất cho việc thực hiện tội phạm

4. Người đồng phạm không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vượt quá của người thực hành.”

Như vậy, trong trường hợp của bạn, bạn cho anh A mượn tài khoản ngân hàng để thực hiện giao dịch chuyển tiền. Anh A lừa đảo một người và yêu cầu hộ chuyển tiền vào tài khoản của bạn. Theo quy định trên, đồng phạm với vai trò là người giúp sức khi bạn và anh A phải cùng thực hiện tội phạm do lỗi cố ý.

Có thể thấy, nếu như trong trường hợp này bạn biết anh A lừa đảo và yêu cầu họ chuyển tiền vào tài khoản của bạn, bạn sẽ được xác định là đồng phạm. Ngược lại, bạn không biết đến việc này, bạn không được coi là đồng phạm với vai trò giúp sức và không bị xử lý [tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-lua-dao-chiem-doat-tai-san-569-27358-article.html).

**76. Tôi và chồng đã kết hôn cách đây 20 năm, tuy nhiên không có con. Bạn tôi sắp sinh nhưng không có đủ điều kiện để nuôi, vì vậy tôi muốn nhận nuôi đứa trẻ và sẽ gửi cho bạn ấy một khoản tiền. Mẹ đứa trẻ cũng đồng ý. Chúng tôi thỏa thuận thời điểm sinh xong, khi làm giấy chứng sinh sẽ viết tên người mẹ là tên tôi để tiện cho việc làm giấy khai sinh cho con sau này. Tuy nhiên một số người tư vấn cho tôi làm như vậy là mua bán trẻ con trái phép. Xin hỏi như vậy có đúng không? Trường hợp này tôi nên xử lý như thế nào cho đúng quy định?**

**Trả lời:**

Hành vi mua bán trẻ em là hành vi dùng tiền hoặc phương tiện thanh toán khác để trao đổi trẻ em như hàng hóa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết [02/2019/NQ-HĐTP](https://luatvietnam.vn/hinh-su/nghi-quyet-02-2019-nq-hdtp-hoi-dong-tham-phan-toa-an-nhan-dan-toi-cao-170791-d1.html); hành vi mua bán người dưới 16 tuổi là những hành vi sau:

“2. Mua bán người dưới 16 tuổi là thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Chuyển giao người dưới 16 tuổi để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

b) Tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

c) Chuyển giao người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

d) Tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;

đ) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi chuyển giao người theo hướng dẫn tại điểm a và điểm c khoản này.”

Theo quy định của pháp luật, việc mua bán trẻ em, dù là mua để làm con nuôi là trái pháp luật và có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán người dưới 16 tuổi.

Trong trường hợp của bạn, nếu bạn hiếm muộn con và mẹ đứa trẻ không có điều kiện để nuôi bé, bạn có thể thỏa thuận hỗ trợ gia đình mẹ đứa trẻ và chấp thuận nhận con nuôi có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì sẽ hợp tình, hợp lý hơn. Bởi mục đích của việc nuôi con nuôi cũng là nhằm xác lập quan hệ cha, mẹ và con lâu dài, bền vững, vì lợi ích tốt nhất của người được nhận làm con nuôi, bảo đảm cho con nuôi được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong môi trường gia đình.

Việc nhận nuôi con hợp pháp thì quyền và lợi ích của con nuôi không khác gì đối với con đẻ. Theo quy định của pháp luật hiện nay thì cha, mẹ nuôi có hoàn toàn có quyền thay đổi giấy khai sinh của con và thay đổi cả họ, tên của con, vì vậy nếu muốn sau nay bạn có thể thay đổi giấy khai sinh của bé mà bạn nhận nuôi.

**77. Em trai tôi do bị bệnh tâm thần mà nhiều lúc không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình. A là hàng xóm của nhà tôi thường xuyên có những hành vi trêu chọc em trai tôi. Một lần, A và em trai tôi đang nói chuyện thì bỗng dưng em tôi chạy vào nhà lấy gậy mà đánh A bị gẫy tay. Xin hỏi trường hợp này, em tôi mắc bệnh tâm thần thì có bị xử phạt theo quy định của luật không?**

**Trả lời:**

Người tâm thần được hiểu là những người có tâm lý hoặc hành vi cá biệt được cho là gây ra đau khổ, mất khả năng cư xử cũng như phát triển bình thường.

Để khẳng định một NGƯỜI BỊ TÂM THẦN hay không thì căn cứ Điều 22 [Bộ luật Dân sự 2015](https://luatvietnam.vn/dan-su/bo-luat-dan-su-2015-101333-d1.html) Tòa án ra [quyết định tuyên bố người này là người mất năng lực hành vi dân sự](https://luatvietnam.vn/dan-su/phan-biet-han-che-va-mat-nang-luc-hanh-vi-dan-su-568-25068-article.html) trên cơ sở kết luận giám định pháp y tâm thần.

Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự (bị tâm thần) khi không còn căn cứ tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự, theo yêu cầu của chính người đó hoặc của người có quyền, lợi ích liên quan hoặc của cơ quan, tổ chức hữu quan.

Hình phạt đối với [Tội cố ý gây thương tích](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-co-y-gay-thuong-tich-569-27369-article.html) được quy định chi tiết tại Điều 134 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html). Mặt khác, Điều 21 Bộ luật Hình sự 2015 quy định người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần thì [không phải chịu trách nhiệm hình sự](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/nhung-quy-dinh-ve-mien-trach-nhiem-hinh-su-moi-nhat-230-18871-article.html).

Tuy nhiên, khi họ thực hiện hành vi phạm tội, Viện kiểm sát hoặc Tòa án căn cứ vào kết luận giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần có thể quyết định đưa họ vào một cơ sở điều trị chuyên khoa để bắt buộc chữa bệnh.

Người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đã lâm vào tình trạng bị tâm thần thì trước khi bị kết án cũng được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và sau khi khỏi bệnh, người đó phải chịu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, tùy vào thời điểm nào người phạm tội bị tâm thần thì sẽ phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ Điều 586 Bộ luật Dân sự 2015 thì khi bị người tâm thần “đánh” gây thương tích gây thiệt hại mà có người giám hộ thì người giám hộ đó được dùng tài sản của người được giám hộ để [bồi thường](https://luatvietnam.vn/boi-thuong-thiet-hai-2721-tag.html).

Nếu người giám hộ cho người bị tâm thần không có tài sản hoặc không đủ tài sản để bồi thường thì người giám hộ phải bồi thường bằng tài sản của mình;

Nếu người giám hộ chứng minh được mình không có lỗi trong việc giám hộ thì không phải lấy tài sản của mình để bồi thường.

**78. Tôi và gia đình có về quê ăn Tết 2022. Gia đình tôi ở vùng 3 (Vùng cam) nên khi về đến gia đình, chính quyền xã đã cho công an xã vào khóa trái cổng của gia đình tôi và bảo vì từ vùng dịch cấp độ 3 nên phải cách ly tại nhà 7 ngày liên tục. Liền sau đó, họ bỏ mặc gia đình tôi, không tiếp tế lương thực thực phẩm, may mà có hàng xóm tiếp tế, vứt đồ qua cổng thì gia đình tôi mới có cái để ăn. Vậy cho tôi hỏi, hành vi nhốt cả gia đình 4 người chúng tôi trong nhà của chúng tôi, khóa trái cổng có vi phạm pháp luật không? Có thể bị xử lý hình sự về tội giam giữ người trái pháp luật không?**

**Trả lời:**

Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật được quy định tại Điều 157 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), cụ thể như sau:

“Điều 157. Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật

1.Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

c) Đối với người đang thi hành công vụ;

d) Phạm tội 02 lần trở lên;

đ) Đối với 02 người trở lên;

e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

g) Làm cho người bị bắt, giữ, giam hoặc gia đình họ lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn;

h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm:

a) Làm người bị bắt, giữ, giam chết hoặc tự sát;

b) Tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục nhân phẩm của người bị bắt, giữ, giam;

c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bị bắt, giữ, giam mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Theo đó, bắt, giữ người trái pháp luật là hành vi ngăn cản, tước đoạt sự tự do dịch chuyển thân thể của người khác trái với quy định của pháp luật.

Trường hợp trên, người phạm tội có thể bị phạt từ 02 năm đến 07 năm tù với tình tiết định khung ‘’lợi dụng chức vụ, quyền hạn’’ bắt giữ, giam người trái pháp luật.

**79. Ngày 24/11/2021, tôi có mang theo súng đến ngân hàng để cướp tiền. Tuy nhiên, tôi vừa đến ngân hàng và dùng súng để uy hiếp nhân viên ngân hàng giao tiền thì đã bị cảnh sát bắt giữ. Trong trường hợp trên, tôi chưa chiếm đoạt được bất kỳ tài sản nào thì có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Cướp tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức và được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện một trong các hành vi được quy định tại Điều 168 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), cụ thể như sau:

- Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, tùy vào tính chất mức độ của hành vi mà người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

- Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, theo quy định trên thì bạn đã dùng súng để uy hiếp nhân viên ngân hàng giao tiền – hành vi đe dọa dùng vũ lực làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi đó đã có dấu hiệu của Tội cướp tài sản và bạn có thể phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

**80. Ngày 23/11/2021, tôi có đến cửa hàng tạp hóa X. Khi đi tôi có mang theo dao đến ngân hàng để đe dọa nhân viên tạp hóa giao tiền trong két sắt. Tổng số tiền tôi chiếm đoạt được là 200 nghìn đồng. Vậy trong trường hợp trên tôi có phải chịu trách nhiệm hình sự không?**

**Trả lời:**

Cướp tài sản là tội phạm có cấu thành hình thức và được coi là hoàn thành từ thời điểm người phạm tội thực hiện một trong các hành vi được quy định tại Điều 168 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), cụ thể:

Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, tùy vào tính chất mức độ của hành vi mà người phạm tội có thể bị phạt tù từ 03 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Như vậy, không phụ thuộc vào giá trị tài sản bạn chiếm đoạt được là bao nhiêu mà phải xét đến tính chất, mức độ của hành vi để xác định mức hình phạt bạn có thể phải chịu.

**81. Hiện tại, tôi đang phải chấp hành án treo 2 năm tại xã A, huyện B. Tuy nhiên, tôi mới chấp hành án treo được 3 tháng thì có nhu cầu chuyển sang nơi cư trú mới ở xã C, huyện D. Vậy trong trường hợp trên, tôi có được phép chuyển nơi cư trú không?**

**Trả lời:**

Người được hưởng [án treo](https://luatvietnam.vn/hinh-su/dieu-kien-huong-an-treo-569-27795-article.html) được xem xét, giải quyết thay đổi nơi cư trú nếu đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 3 Thông tư 64/2019/TT-BCA:

Người chấp hành án được xem xét, giải quyết thay đổi nơi cư trú nếu đảm bảo các yêu cầu sau:

“1. Bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Có lý do chính đáng mà phải thay đổi nơi cư trú, thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang sinh sống cùng gia đình mà gia đình chuyển cư trú sang nơi khác;

b) Chuyển đến nơi cư trú với vợ hoặc chồng sau khi kết hôn; chuyển nơi cư trú khác sau khi ly hôn;

c) Chuyển đến nơi cư trú cùng cha, mẹ, ông, bà, con để thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trong trường hợp cha, mẹ, ông, bà, con bị bệnh hiểm nghèo mà không có người khác chăm sóc, nuôi dưỡng hoặc trường hợp già yếu không nơi nương tựa;

d) Chuyển đến nơi cư trú khác để đảm bảo việc công tác, học tập;

đ) Không còn nơi cư trú vì bị giải tỏa, thiên tai, hỏa hoạn, địch họa;

e) Buộc phải bán nhà để khắc phục hậu quả hoặc đảm bảo cuộc sống;

g) Vì lý do dịch bệnh hoặc đảm bảo yêu cầu về quốc phòng an ninh;

h) Các trường hợp khác do Cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an quyết định.

3. Nơi cư trú chuyển đến phải có địa chỉ cụ thể, rõ ràng, ổn định lâu dài.

4. Việc giải quyết thay đổi nơi cư trú của người chấp hành án phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự; đảm bảo yêu cầu của công tác quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án và việc ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng của người chấp hành án.”

Như vậy, nếu đảm bảo các yêu cầu trên, bạn có thể viết đơn xin thay đổi nơi cư trú hoặc đề nghị công an cấp xã hướng dẫn và nộp cho Công an cấp xã. Đơn xin thay đổi nơi cư trú phải nêu rõ lý do thay đổi nơi cư trú.

**82. Chồng tôi có mâu thuẫn với ông A là hàng xóm, trong lúc không kiềm chế được đã vẩy xăng để cố ý gây ra thương tích cho ông A. Hành vi này không những gây thương tích cho ông A mà lại còn gây cháy các đồ vật trong nhà ông A, gây ra thiệt hại lớn. Vậy cho tôi hỏi, chồng tôi có bị truy cứu tội cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác không?**

**Trả lời:**

Trường hợp trên, hành vi của chồng bạn có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về “[Tội cố ý gây thương tích cho sức khoẻ của người khác](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-co-y-gay-thuong-tich-569-27369-article.html)” theo quy định tại Điều 134 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) quy định người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên;

- Dùng a-xít sunfuric (H2SO4) hoặc hóa chất nguy hiểm khác gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; Gây cố tật nhẹ cho nạn nhân;

- Phạm tội 02 lần trở lên;

- Phạm tội đối với 02 người trở lên;

- Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

- Đối với ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng mình, thầy giáo, cô giáo của mình;

- Có tổ chức;

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;

- Phạm tội trong thời gian đang bị tạm giữ, tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù hoặc đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Thuê gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe hoặc gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe do được thuê;

- Có tính chất côn đồ;

- Tái phạm nguy hiểm;

- Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân.

Như vậy, đối với hành vi cố ý gây thương tích cho ông A của chồng bạn, có thể bị xử lý, truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích. Về mức hình phạt thì tuỳ theo tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả gây nên thương tích từ 11% đến 61% trở lên mà áp dụng mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật mà bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

Ngoài ra, trong lúc vẩy xăng làm cháy các đồ vật trong nhà ông A gây thiệt hại, cần xác định giá trị tài sản thiệt hại là bao nhiêu và hành vi gây thiệt hại và cố ý hay vô ý mà có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản](https://luatvietnam.vn/luat-su-tu-van/dap-pha-ban-tho-cua-nguoi-khac-co-phai-chiu-trach-nhiem-hinh-su-khong-143655-faqs.html) theo quy định tại Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015, nếu xác định được tài sản chồng bạn làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2 triệu đồng trở lên thì tùy theo giá trị tài sản mà bị xử phạt từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 20 năm.

Ngoài ra, chồng bạn còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Và chồng bạn còn phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng cho ông A theo quy định Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015

**83. Do anh chị tôi có mâu thuẫn đất đai với ông C nên trong một lần cãi vã ông C đã cầm dao mổ lợn đâm nhiều nhát vào tay anh tôi. Chị tôi ra can ngăn thì bị đâm vào lưng, do mất máu quá nhiều nên chị tôi tử vong tại chỗ. Tại thời điểm đó chị đang mang thai đôi, vì vậy cả 3 mẹ con đều không qua khỏi. Xin hỏi ông C có bị coi là giết từ hai người trở lên không? Mức phạt mà ông C phải chịu?**

**Trả lời:**

Trong trường hợp xác định tội danh phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố, một trong số đó là ý chí và lý trí của người thực hiện hành vi phạm tội. Ở đây người thực hiện hành vi phạm tội chỉ phạm vào tội giết người nếu khi thực hiện hành vi người này mong muốn tước đoạt mạng sống của bị hại hoặc biết rõ là có thể tước đoạt tính mạng của bị hại nhưng vẫn tiếp tục thực hiện cho dù không mong muốn (trường hợp này thì bị hại phải tử vong từ nguyên nhân do hành vi của người thực hiện hành vi phạm tội).

Như vậy, cơ quan cảnh sát điều tra cần làm rõ ý chí của ông C khi cầm dao mổ lợn đâm nhiều nhát vào tay anh bạn và đâm vào lưng chị bạn có nhằm tước đoạt mạng sống anh chị bạn hay không. Trong trường hợp thỏa mãn dấu hiệu của hành vi phạm tội của tội giết người thì đối với hành vi phạm tội với người có thai có thể là tình tiết tăng nặng hoặc tình tiết định khung tăng nặng mà không phải giết từ hai người trở lên. Cụ thể:

Theo điểm i khoản 1 Điều 52 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), hành vi phạm tội đối với "phụ nữ có thai" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tuy nhiên, không phải trường hợp nào, hành vi giết phụ nữ có thai cũng là tiết tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cụ thể, theo điểm c khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự 2015, hành vi "Giết phụ nữ mà biết là có thai" là tình tiết định khung tăng nặng, không phải tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, có sự khác biệt giữa hành vi phạm tội với phụ nữ "mà biết là có thai" với các tội phạm khác cũng có nạn nhân là phụ nữ có thai nhưng việc nạn nhân có thai không phải là tình tiết định khung. Cụ thể:

- Giết phụ nữ mà biết là có thai là trường hợp người phạm tội biết rõ người mình giết là phụ nữ đang có thai (không kể tháng thứ mấy) mà vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Theo tiểu mục 2.3 mục 2 Nghị quyết [01/2006/NQ-HĐTP](https://luatvietnam.vn/hinh-su/nghi-quyet-01-2006-nq-hdtp-toa-an-nhan-dan-toi-cao-18677-d1.html), "Phụ nữ có thai" được xác định bằng các chứng cứ chứng minh là người phụ nữ đó đang mang thai, như: bị cáo và mọi người đều nhìn thấy được hoặc bị cáo nghe được, biết được từ các nguồn thông tin khác nhau về người phụ nữ đó đang mang thai.

Trong trường hợp thực tế khó nhận biết được người phụ nữ đó đang có thai hay không hoặc giữa lời khai của bị cáo và người bị hại về việc này có mâu thuẫn với nhau thì để xác định người phụ nữ đó có thai hay không phải căn cứ vào kết luận của cơ quan chuyên môn y tế hoặc kết luận giám định.

- Trường hợp người phạm tội không biết nạn nhân đang có thai thì không áp dụng tình tiết định khung tăng nặng này.

Như vậy, chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội đối với phụ nữ có thai" là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp phạm tội do lỗi cố ý, không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là phụ nữ có thai (tiểu mục 2.1 mục 2 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP).

Hơn nữa, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 quy định: "Các tình tiết đã được Bộ luật này quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng".

Đối với hình phạt khi bị xử lý tội giết người với tình tiết phạm tội với người có thai, có dùng hung khí thì có thể mức hình phạt lên đến “chung thân hoặc tử hình” theo quy định tại khoản 1 Điều 123 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

**84. Tôi có em trai phạm tội cố ý gây thương tích, vụ việc đã được khởi tố. Nay tôi muốn xin tại ngoại cho em tôi. Xin hỏi trường hợp này tôi phải nộp số tiền bao nhiêu để em trai tôi được tại ngoại.**

**Trả lời:**

Mức tiền đặt để bảo đảm được quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch [06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-lien-tich-06-2018-ttlt-bca-bqp-btc-vksndtc-tandtc-muc-tien-dat-bao-dam-177207-d1.html) như sau:

“Điều 4. Mức tiền đặt để bảo đảm

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án quyết định mức tiền cụ thể mà bị can, bị cáo phải đặt để bảo đảm, nhưng không dưới:

a) Ba mươi triệu đồng đối với tội phạm ít nghiêm trọng;

b) Một trăm triệu đồng đối với tội phạm nghiêm trọng;

c) Hai trăm triệu đồng đối với tội phạm rất nghiêm trọng;

d) Ba trăm triệu đồng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định mức tiền phải đặt để bảo đảm thấp hơn nhưng không dưới một phần hai (1/2) mức tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:

a) Bị can, bị cáo là thương binh, bệnh binh, là người được tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân hoặc được tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến, các danh hiệu Dũng sĩ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là con đẻ, con nuôi hợp pháp của liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng, của gia đình được tặng bằng “Gia đình có công với nước”;

b) Bị can, bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.”

Như vậy, mức tiền đặt để bảo đảm căn cứ vào tội phạm được [phân loại ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng](https://luatvietnam.vn/hinh-su/cach-phan-loai-toi-pham-569-20120-article.html).

Điều 9 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) quy định về phân loại tội phạm như sau:

“Điều 9. Phân loại tội phạm

1. Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:

a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm;

b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm tù đến 07 năm tù;

c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù;

d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội ấy là từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.”

Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi năm 2017 quy định về [tội cố ý gây thương tích](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-co-y-gay-thuong-tich-569-27369-article.html) như sau:

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 14 năm:

5. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

6. Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.”

Căn cứ quy định trên, tùy trường hợp em bạn phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hay đặc biệt nghiêm trọng; từ đó xác định được số tiền đặt để bảo đảm.

**85. Ngày 06/12/2021, anh A do có mâu thuẫn với gia đình nhà chúng tôi nên đã có hành vi đập phá bàn thờ của gia đình tôi. Bàn thờ của gia đình tôi được bên Công ty X gia công với giá 1 triệu đồng. Vậy trong trường hợp này, tôi có thể yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hình sự đối với hành vi trên không? Nếu có thì mức xử phạt là như thế nào?**

**Trả lời:**

Luật sư cho rằng căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 178 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) [sửa đổi, bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) thì Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị từ 2 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp:

(a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;

(b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

(c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

(d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

(đ) Tài sản là di vật, cổ vật

thì bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

Như vậy, trong trường hợp này thì tài sản của anh là bàn thờ với trị giá là 1 triệu đồng, tức là dưới 2 triệu đồng. Anh có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự đối với anh A nếu anh A thuộc một trong các điểm (a), (b), (c), (d), (đ) nằm trong khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự hiện hành.

Nếu không thuộc các trường hợp trên thì anh A sẽ không bị xử lý hình sự theo Điều 178 Bộ luật Hình sự hiện hành.

Tuy nhiên, anh vẫn có quyền yêu cầu xử phạt hành chính đối với anh A theo Điều 15 Nghị định [167/2013/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/an-ninh-trat-tu/nghi-dinh-167-xu-phat-vi-pham-an-ninh-trat-tu-82825-d1.html) như sau: Phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng đối với hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác và tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Ngoài ra anh có quyền yêu cầu anh A bồi thường thiệt hại về tài sản do anh A gây ra theo quy định pháp luật dân sự.

**86. Tôi là cán bộ địa chính ở xã. Vừa qua tại xã tôi có tiến hành hoạt động giải toả mặt bằng để phục vụ cho dự án kinh tế -xã hội của địa phương. Khi chủ đầu tư dự án đang giải phóng mặt bằng, san nền thì người dân trong xã ra cản trở. Lấy lý do là việc thu hồi đất và đền bù không thoả đáng, một số đối tượng quá khích đã xúi giục nhân dân tụ tập, cản trở hoạt động của chủ đầu tư, phá các xe chuyên dùng san ủi đất và một số máy móc khác, đuổi đánh những cán bộ của huyện, xã đang làm nhiệm vụ giữ trật tự. Hiện tại các đối tượng đang bị triệu tập lên công an để làm rõ vụ việc. Xin hỏi hành vi của những đối tượng này sẽ bị xử lý thế nào?**

**Trả lời:**

Theo thông tin bạn trình bày thì ở đây có hai hành vi cần phải xử lý đó là hành vi đập phá tài sản người khác và hành vi chống lại người thi hành công vụ, cụ thể:

1. Hành vi đập phá tài sản của người khác

Đập phá tài sản của người khác là hành vi có thể gây hư hỏng tài sản, khiến tài sản không thể sử dụng bình thường hoặc mất giá trị sử dụng, không dùng được nữa.

Do vậy, đập phá tài sản của người khác được xếp vào một trong những hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác.

Tùy vào tính chất, mức độ vi phạm mà người thực hiện hành vi đập phá tài sản của người khác có thể bị phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản.

Nếu đập phá tài sản của người khác có giá trị dưới 02 triệu, thực hiện vi phạm lần đầu, tài sản không phải phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, tài sản không phải là di vật, cổ vật thì người thực hiện hành vi này có thể chỉ bị xử phạt hành chính với mức phạt lên đến 5 triệu đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định [167/2013/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/an-ninh-trat-tu/nghi-dinh-167-xu-phat-vi-pham-an-ninh-trat-tu-82825-d1.html), cụ thể như sau:

“2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác…”

Trong trường hợp, hành vi đập phá tài sản của người khác có giá trị từ 02 triệu trở lên hoặc đủ dấu hiệu để truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể bị khởi tố, truy tố, xét xử về Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản được quy định tại Điều 178 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) như sau:

“Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 02 đến dưới 50 triệu đồng hoặc dưới 02 triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10 - 50 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

- Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản mà còn vi phạm;

- Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

- Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

- Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

- Tài sản là di vật, cổ vật.

Phạt tù từ 02 - 07 năm khi tội thuộc một trong các trường hợp:

- Phạm tội có tổ chức;

- Gây thiệt hại cho tài sản trị giá từ 50 triệu đến dưới 200 triệu đồng;

- Tài sản là bảo vật quốc gia;

- Dùng chất nguy hiểm về cháy, nổ hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;

- Để che giấu tội phạm khác;

- Vì lý do công vụ của người bị hại;

- Tái phạm nguy hiểm.

…………………………”

2. Hành vi chống lại người thi hành công vụ

Đối với hành vi cản trở hoạt động thực hiện công vụ của cán bộ xã, cán bộ huyện thì có thể bị xem xét xử lý về hành vi chống người thi hành công vụ. Tùy vào mức độ, tính chất mà có thể xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự, cụ thể:

Hành vi chống người thi hành công vụ là hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc không chấp hành hiệu lệnh, yêu cầu của người thi hành công vụ hoặc có hành vi khác nhằm cản trở người thi hành công vụ thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc ép buộc người thi hành công vụ không thực hiện nhiệm vụ được giao

Người có hành vi chống người thi hành công vụ sẽ bị xử lý dưới 2 hình thức là truy cứu trách nhiệm hình sự và bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định như sau:

Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

- Dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ;

- Gây thiệt hại về tài sản, phương tiện của cơ quan nhà nước, của người thi hành công vụ;

Chống người thi hành công vụ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong quản lí hành chính. Hành vi chống người thi hành công vụ có thể bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cụ thể như sau:

"Điều 330. Tội chống người thi hành công vụ

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội;

d) Gây thiệt hại về tài sản 50.000.000 đồng trở lên;

đ) Tái phạm nguy hiểm".

**87. Ngày 1/6/2021, tôi bị tòa án nhân dân huyện X ra bản án 5 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Thời điểm ngày 1/6/2021, tôi dưới 18 tuổi. Ngày 1/7/2021, tôi tiếp tục bị tòa án nhân dân huyện X ra bản án 10 năm tù về tội giết người. Thời điểm ngày 1/7/2021, tôi đã đủ 18 tuổi. Vậy trong trường hợp trên, tòa án sẽ tiến hành tổng hợp hình phạt tù như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 56, điều 55 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) như sau:

“Điều 55. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

Khi xét xử cùng 01 lần một người phạm nhiều tội, Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định sau đây:

1. Đối với hình phạt chính:

a) Nếu các hình phạt đã tuyên cùng là cải tạo không giam giữ hoặc cùng là tù có thời hạn, thì các hình phạt đó được cộng lại thành hình phạt chung; hình phạt chung không được vượt quá 03 năm đối với hình phạt cải tạo không giam giữ, 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn;

b) Nếu các hình phạt đã tuyên là cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, thì hình phạt cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tù chung thân thì hình phạt chung là tù chung thân;

d) Nếu hình phạt nặng nhất trong số các hình phạt đã tuyên là tử hình thì hình phạt chung là tử hình;

đ) Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác; các khoản tiền phạt được cộng lại thành hình phạt chung;

e) Trục xuất không tổng hợp với các loại hình phạt khác;”

“Điều 56. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

……

2. Khi xét xử một người đang phải chấp hành một bản án mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới, Tòa án quyết định hình phạt đối với tội mới, sau đó tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành của bản án trước rồi quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật này.”

Điều 103 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định về việc tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội như sau:

“Điều 103. Tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội

……..

3. Đối với người phạm nhiều tội, có tội được thực hiện trước khi đủ 18 tuổi, có tội được thực hiện sau khi đủ 18 tuổi, thì việc tổng hợp hình phạt áp dụng như sau:

a) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi nặng hơn hoặc bằng mức hình phạt áp dụng đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi, thì hình phạt chung không được vượt quá mức hình phạt cao nhất quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Nếu mức hình phạt Tòa án tuyên đối với tội được thực hiện khi người đó đã đủ 18 tuổi nặng hơn mức hình phạt áp dụng đối với tội thực hiện khi người đó chưa đủ 18 tuổi thì hình phạt chung áp dụng như đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội.”

Như vậy, đối với trường hợp của bạn thì Hội đồng xét xử sẽ tổng hợp hình phạt như đối với người đủ 18 tuổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 BLHS hiện hành nêu trên.

**88. Ngày 12/11/2021, tôi có thỏa thuận về việc mua dâm bạn A (15 tuổi) với giá 15 triệu. Sau khi tôi thanh toán tiền xong thì hẹn bạn A vào nhà nghỉ X. Tuy nhiên, tôi đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục, giao cấu với bạn A thì bị cơ quan công an bắt. Vậy trong trường hợp trên tôi có phải chịu cùng một lúc hai tội là tội mua dâm người dưới 18 tuổi và tội giao cấu người từ 13 đến dưới 16 tuổi không?**

**Trả lời:**

Liên quan đến vấn đề này, khoản 1 và khoản 2 Điều 3 [Pháp lệnh Pháp lệnh phòng, chống mại dâm năm 2003](https://luatvietnam.vn/an-ninh-trat-tu/phap-lenh-10-2003-pl-ubtvqh11-uy-ban-thuong-vu-quoc-hoi-14749-d1.html) quy định như sau:

“1. Bán dâm là hành vi giao cấu của một người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác.

2. Mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất khác trả cho người bán dâm để được giao cấu.”

Trường hợp này của bạn có yếu tố mua bán dâm vì bạn đã thực hiện hành vi thanh toán tiền để nhằm giao cấu với A. Và A được xác định là người bán dâm vì đã nhận tiền và đồng ý vào nhà nghỉ để thực hiện hành vi mua bán dâm với bạn.

Căn cứ quy định tại Điều 329 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) ([sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html)):

“Điều 329. Tội mua dâm người dưới 18 tuổi

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Mua dâm 02 lần trở lên;

b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;

c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.

4. Người phạm tội còn bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Như vậy, nếu bạn đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, bạn sẽ có thể bị phạt tù từ 03 đến 07 năm.

Còn nếu A không phải là người bán dâm thì bạn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo Điều 145 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi năm 2017).

Do đó, bạn không phải chịu cùng một lúc hai tội là tội mua dâm người dưới 18 tuổi và tội giao cấu người từ 13 đến dưới 16 tuổi.

**89. Ngày 30/10/2021, trên đường đi làm về, tôi có bắt gặp anh A đang rao bán 5 con tê tê. Do tôi muốn giải cứu 5 con tê tê này để thả về tự nhiên nên có mua lại chúng với giá 20 triệu đồng. Ngay sau khi mua lại thì tôi bị cơ quan công an bắt giữ ngay tại chỗ. Vậy trong trường hợp này tôi có bị xử lý hình sự không nếu mục đích tôi mua động vật hoang dã chỉ để phóng sinh?**

**Trả lời:**

Bộ tê tê thuộc Lớp thú, nằm trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB Nghị định [06/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/nghi-dinh-06-2019-nd-cp-quan-ly-thuc-vat-dong-vat-rung-nguy-cap-170399-d1.html) (được sửa đổi bởi Nghị định [84/2021/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/tai-nguyen/nghi-dinh-84-2021-nd-cp-209804-d1.html) - có hiệu lực vào ngày 30/11/2021). Bộ tê tê bao gồm: Tê tê java và Tê tê vàng.

Bên cạnh đó, Bộ tê tê thuộc Lớp thú, cũng nằm trong Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Phụ lục I Nghị định 64/2019/NĐ-CP.

Ngoài ra, Bộ tê tê gồm nhiều loại khác, được quy định trong Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (sau đây viết tắt là CITES).

Trường hợp bạn mua 5 con tê tê thuộc các danh mục quy định nêu trên thì có thể sẽ bị xử lý hình sự theo quy định tại Điều 244 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) ([sửa đổi 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html)):

“Điều 244. Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm

1. Người nào vi phạm quy định về bảo vệ động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;

b) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của động vật quy định tại điểm a khoản này;

d) Săn bắt, giết, nuôi, nhốt, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB hoặc Phụ lục I Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp mà không thuộc loài quy định tại điểm a khoản này với số lượng từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác;

đ) Tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ 03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú, từ 07 cá thể đến 10 cá thể lớp chim, bò sát hoặc từ 10 cá thể đến 15 cá thể động vật lớp khác quy định tại điểm d khoản này;”

Căn cứ quy định trên, mặc dù mục đích của bạn mua tê tê để phóng sinh nhưng hành vi này vẫn có thể bị xử lý hình sự theo quy định nêu trên: bị phạt tiền từ 500 triệu đồng đến 2 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

**90. Tôi thấy có một số website bán động vật và thịt động vật hoang dã (lợn rừng, chồn), động vật sấy khô (sơn dương, tắc kè) và một số động vật thuộc danh mục loài quý hiếm. Hiện tại tôi muốn làm trang trại và tôi muốn nhập chồn, tắc kè , rắn ráo, rắn hổ mang về nuôi có được không? Việc mua và bán động vật hoang dã có bị xử phạt không?**

**Trả lời:**

Đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về quảng cáo, kinh doanh mua, bán động vật hoang dã và các sản phẩm của động vật hoang dã trên môi trường mạng thì căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm và từng trường hợp cụ thể sẽ có thể bị xử lý phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc bạn có thấy một số website bán động vật và thịt động vật hoang dã (lợn rừng, chồn), động vật sấy khô (sơn dương, tắc kè) và một số động vật thuộc danh mục loài quý hiếm là việc làm trái pháp luật. Cụ thể:

Hành vi quảng cáo để kinh doanh thực vật rừng, động vật rừng và sản phẩm của chúng trái quy định của pháp luật, có thể bị phạt tiền từ 1 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 16 (Vi phạm các quy định chung của Nhà nước về bảo vệ rừng) Nghị định [35/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-35-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-lam-nghiep-172289-d1.html) ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

Hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt động vật rừng trái quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 400 triệu đồng theo quy định tại Điều 21 (Vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng) Nghị định 35/2019/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, hình thức xử phạt bổ sung gồm: Tịch thu tang vật, dụng cụ, công cụ vi phạm hành chính; Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính. Ngoài ra, thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả như: Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường.

Hành vi tàng trữ, mua, bán, chế biến lâm sản không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng lâm sản không đúng với nội dung hồ sơ đó nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự, có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng theo quy định tại Điều 23 (Tàng trữ, mua bán, chế biến lâm sản trái pháp luật) Nghị định 35/2019/NĐ-CP. Ngoài ra, còn có hình thức xử phạt bổ sung như: tịch thu tang vật vi phạm, đình chỉ hoạt động cơ sở chế biến lâm sản và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều này.

Hành vi vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản (trong đó bao gồm đối với động vật rừng), có thể bị phạt tiền từ 500 nghìn đồng đến 10 triệu đồng theo quy định tại Điều 24 (Vi phạm quy định về quản lý hồ sơ lâm sản trong vận chuyển, mua bán, cất giữ, chế biến lâm sản) Nghị định 35/2019/NĐ-CP.

Như vậy, trong trường hợp vi phạm vượt mức xử lý hành chính nêu trên thì có thể bị xử lý trách nhiệm hình sự về “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã” theo quy định tại Điều 234 hoặc “Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm” được quy định tại Điều 244 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) với mức hình phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 2 tỷ đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 15 năm.

Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 200 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị phạt tiền từ 300 triệu đồng đến 15 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ vĩnh viễn. Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 600 triệu đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

Vì vậy, tùy vào tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi vi phạm gây ra người phạm tội có thể bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, các động vật như chồn, tắc kè, rắn ráo, rắn hổ mang đều là những động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo Nghị định [06/2019/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/nghi-dinh-06-2019-nd-cp-quan-ly-thuc-vat-dong-vat-rung-nguy-cap-170399-d1.html) về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Nếu bạn muốn nuôi những động vật này thì cần phải thực hiện theo các quy trình, thủ tục mà pháp luật đã quy định.

**91. Tôi và anh A có đăng ký kết hôn vào ngày 1/3/2021. Trong khoảng thời gian từ tháng 7 đến tháng 10/2021, anh A thường xuyên không ở nhà và ngủ ở khách sạn với chị B. Vậy trong trường hợp này, tôi có thể yêu cầu cơ quan nhà nước khởi tố hình sự anh A về tội vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng không?**

**Trả lời:**

Việc khởi tố hình sự phải căn cứ vào các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), cũng như [Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-101322-d1.html). Đối với hành vi vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng hiện nay được quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015 theo đó Điều luật quy định.

1. Người nào đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng, có vợ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn;

b) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát;

b) Đã có quyết định của Tòa án hủy việc kết hôn hoặc buộc phải chấm dứt việc chung sống như vợ chồng trái với chế độ một vợ, một chồng mà vẫn duy trì quan hệ đó.

Như vậy, để có thể khởi tố hình sự chị B và anh chồng của bạn thì phải chứng minh được họ sống với nhau như vợ chồng và thuộc 1 trong 2 trường hợp quy định tại điểm a,b khoản 1 nêu trên. Khi 2 người này chỉ có hành vi thường xuyên ngủ với nhau ở khách sạn thì khó có thể nói rằng họ sống với nhau như vợ chồng. Do đó, Luật sư cho rằng trường hợp này chưa có dấu hiệu của tội phạm hình sự theo quy định tại Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015, mặc dù nộp đơn trình báo hay tố giác là quyền của bạn. Tất nhiên, khi nộp đơn bạn cũng cần phải cung cấp cho cơ quan thẩm quyền những bằng chứng cụ thể để cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành xác minh vụ việc.

**92. Tôi và anh A kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2010. Trong suốt quá trình sinh sống từ năm 2010 đến năm 2021, tôi thường xuyên bị anh A xỉ nhục, chửi bới. Ngày 24/9/2021, trong bữa cơm gia đình, anh A tiếp tục có hành vi xỉ nhục, chửi bới tôi. Do cảm xúc dồn nén lâu ngày, tôi có hành vi dùng bát ném vào đầu anh A dẫn đến anh A tử vong. Vậy trong trường hợp trên, tôi có phạm tội giết người trong trạng thái tinh thần kích động mạnh không?**

**Trả lời:**

Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh được quy định tại Điều 125 [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html) ([sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html)) như sau:

"Điều 125. Tội giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh

1. Người nào giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người đó hoặc đối với người thân thích của người đó, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội đối với 02 người trở lên, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm."

Để xác định đây có phải là hành vi giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh hay không thì cần hiểu rõ khái niệm "trạng thái tinh thần bị kích động mạnh" là gì và như thế nào là "hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân".

Liên quan đến vấn đề này, Nghị quyết [04-HĐTPTANDTC/NQ](https://luatvietnam.vn/hinh-su/nghi-quyet-04-hdtptandtc-nq-huong-dan-quy-dinh-phan-cac-toi-pham-bo-luat-hinh-su-192849-d1.html) năm 1986 hướng dẫn như sau:

“Tình trạng tinh thần bị kích động là tình trạng người phạm tội không hoàn toàn tự chủ, tự kiềm chế được hành vi phạm tội của mình. Nói chung, sự kích động mạnh đó phải là tức thời do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây nên sự phản ứng dẫn tới hành vi giết người. Nhưng cá biệt có trường hợp do hành vi trái pháp luật của nạn nhân có tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề, lặp đi lặp lại, sự kích động  đó đã âm ỷ, kéo dài, đến thời điểm nào đó hành vi trái pháp luật của nạn nhân lại tiếp diễn làm cho người bị kích động không tự kiềm chế được; nếu tách riêng sự kích động mới này thì không coi là kích động mạnh, nhưng nếu xét cả quá trình phát triển của sự việc, thì lại được coi là mạnh hoặc rất mạnh.

Hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó tuy làm cho người phạm tội bị kích động mạnh, nhưng nói chung chưa đến mức là phạm tội. Nếu hành vi trái pháp luật đó trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc lợi ích hợp pháp của người phạm tội hoặc người thân thích của người phạm tội hoặc của xã hội, đã cấu thành tội phạm, thì hành vi chống trả lại gây chết người có thể được xem là trường hợp phòng vệ chính đáng (theo Điều 13) hoặc do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (theo Điều 102).”

Theo như nội dung chị trình bày, chồng chị đã có hành vi xỉ nhục, chửi bới chị và hành vi này đã xảy ra từ rất lâu, trong thời gian dài với mức độ thường xuyên. Hành vi của chồng chị là hành vi trái pháp luật (cụ thể vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 5 và Điều 21 Luật Hôn nhân và gia đình 2014), gây tổn hại tinh thần, xâm phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của chị.

Hành vi này của chồng chị lặp đi lặp lại đã tạo tính chất đè nén, áp bức tương đối nặng nề lên chị, làm cho tinh thần của chị bị kích động mạnh; sự kích động đó đã âm ỷ, kéo dài cho đến lúc chồng chị lại tiếp tục thực hiện hành vi trái pháp luật này. Và đến thời điểm này, chị bị kích động mạnh đến mức không thể tự kiềm chế được, đẫn đến chị đã dùng bát ném vào đầu anh A dẫn đến anh A tử vong.

Hành vi ném bát vào đầu anh A như một phản xạ tự nhiên của chị, trong một khoảnh khắc tức thời khi mà đã quá nhiều sự dồn nén và áp bức được cộng hưởng trong cả một quá trình dài, làm cho chị lúc đó không có khả năng làm chủ được hành vi của mình.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định chị bị kích động mạnh về tinh thần.

Do đó, trong trường hợp này, xác định chị có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh”.

**93. Em trai tôi bị bắt về tội tổ chức đánh bạc với số tiền thu lợi gần 30 triệu đồng. Có người bảo rằng em trai tôi tổ chức đánh bạc thuộc trường hợp quy mô lớn nên sẽ bị phạt nặng. Cho tôi hỏi như thế nào được coi là thuộc trường hợp quy mô lớn? Trường hợp này em trai tôi sẽ bị xử phạt theo khung hình phạt nào?**

**Trả lời:**

Thế nào được coi là thuộc trường hợp quy mô lớn ?

Theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị Quyết số [01/2010/NQ-HĐTP](https://luatvietnam.vn/hinh-su/nghi-quyet-01-2010-nq-hdtp-hoi-dong-tham-phan-toa-an-nhan-dan-toi-cao-57383-d1.html) ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì:

1. Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thuộc một trong các trường hợp sau đây là “với quy mô lớn”:

a) Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trong cùng một lúc cho từ mười người đánh bạc trở lên hoặc cho từ hai chiếu bạc trở lên mà số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

b) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc; khi đánh bạc có phân công người canh gác, người phục vụ, có sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện như ô tô, xe máy, xe đạp, điện thoại... để trợ giúp cho việc đánh bạc;

c) Tổng số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trong cùng một lần có giá trị từ 20.000.000 đồng trở lên.

Trường hợp này, em trai tôi sẽ bị xử phạt theo khung hình phạt nào?

Theo quy định tại điều 322 [Bộ luật hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html), về Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc:

1. Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc tổ chức 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

b) Sử dụng địa điểm thuộc quyền Sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên hoặc cho 02 chiếu bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên;

c) Tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trong cùng 01 lần trị giá 20.000.000 đồng trở lên;

d) Có tổ chức nơi cầm cố tài sản cho người tham gia đánh bạc; có lắp đặt trang thiết bị phục vụ cho việc đánh bạc hoặc phân công người canh gác, người phục vụ khi đánh bạc; sắp đặt lối thoát khi bị vây bắt, sử dụng phương tiện để trợ giúp cho việc đánh bạc;

đ) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc hành vi quy định tại Điều 321 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 321 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Thu lợi bất chính 50.000.000 đồng trở lên;

c) Sử dụng mạng internet, mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương, tiện điện tử để phạm tội;

d) Tái phạm nguy hiểm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Em trai bạn bị bắt về [tội tổ chức đánh bạc](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-danh-bac-569-27349-article.html) với số tiền thu lợi bất chính là 30 triệu đồng. Tuy nhiên, bạn chưa nêu rõ hành vi, hình thức tổ chức đánh bạc mà em bạn đã thực hiện. Vì vậy, để biết được khung hình phạt, mức phạt phải chịu, bạn cần đối chiếu hành vi của em bạn thuộc vào trường hợp nào theo quy định nêu trên.

Ngoài ra, em trai bạn còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

**94. Ngày 15/9/2020 ông A bị công an bắt về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong quá trình điều tra, ông A khai nhận trước đó 33 năm đã từng giết Bà B để trộm cắp tài sản. Sau đó phi tang xác thành nhiều mảnh, róc xương ném xuống sông, thịt thì đem xay nhỏ. Tính từ thời điểm gây án là vào năm 1988, khi đó ông A mới 15 tuổi, đến nay đã được 33 năm 3 tháng. Xin hỏi ông A có bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội giết người đối với vụ việc đã xảy ra cách đây hơn 33 năm hay không?**

**Trả lời:**

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do [Bộ luật Hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cụ thể tại Điều 27 Bộ luật này quy định như sau:

“Điều 27. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

a) 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng;

b) 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng;

c) 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng;

d) 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

3. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội lại thực hiện hành vi phạm tội mới mà Bộ luật này quy định mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy trên 01 năm tù, thì thời hiệu đối với tội cũ được tính lại kể từ ngày thực hiện hành vi phạm tội mới.

Nếu trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, người phạm tội cố tình trốn tránh và đã có quyết định truy nã, thì thời hiệu tính lại kể từ khi người đó ra đầu thú hoặc bị bắt giữ.”

Như vậy, nếu các thời hạn trên đã qua mà các cơ quan bảo vệ pháp luật vì lí do nào đó không phát hiện được, hoặc phát hiện được nhưng bỏ qua không điều tra, truy tố, xét xử thì người phạm tội sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mà họ đã thực hiện.

Trong trường hợp nêu trên thì ông A không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về [Tội giết người](https://luatvietnam.vn/tin-tuc-phap-luat/toi-giet-nguoi-512-27224-article.html) vì thời điểm phạm tội mới đã qua thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự của tội cũ.

**95. Ngày 9/8/2021, tôi có thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị A với tổng giá trị là 750 triệu đồng. Sau khi thực hiện hành vi, tôi bị cơ quan công an bắt giữ. Sau khi bị bắt, tôi đã hoàn trả toàn bộ số tiền tôi đã chiếm đoạt và bà A cũng đã rút đơn không yêu cầu khởi tố tôi nữa. Vậy trong trường hợp trên, tôi có phải đi tù không?**

**Trả lời:**

Như anh/chị trình bày thì anh/chị có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị A với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 750 triệu đồng. Căn cứ theo Điều 174 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) quy định về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ; tài sản là kỷ vật, di vật, đồ thờ cúng có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Tái phạm nguy hiểm;

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;

e) Dùng thủ đoạn xảo quyệt;

g) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng thiên tai, dịch bệnh.

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này;

c) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Như vậy, hành vi của anh/chị sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 với hành vi “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên”.

Bên cạnh đó, căn cứ theo Điều 155 [Bộ luật Tố tụng hình sự 2015](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/bo-luat-to-tung-hinh-su-nam-2015-101322-d1.html) khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của người bị hại quy định như sau:

“Điều 155. Khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của bị hại

1. Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về tội phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật hình sự khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

2. Trường hợp người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi tố trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, cưỡng bức thì tuy người đã yêu cầu khởi tố rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án vẫn tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

3. Bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi tố thì không có quyền yêu cầu lại, trừ trường hợp rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức.”

[Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản](https://luatvietnam.vn/hinh-su/toi-lua-dao-chiem-doat-tai-san-569-27358-article.html) không được liệt kê vào [tội khởi tố theo yêu cầu của người bị hại](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/10-truong-hop-chi-khoi-to-khi-co-yeu-cau-cua-nguoi-bi-hai-230-18404-article.html) nên mặc dù anh/chị đã trả hết số tiền cho chị A và chị A rút đơn khởi kiện nhưng do hành vi của người phạm tội vi phạm pháp luật Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cơ quan điều tra vẫn sẽ tiến hành khởi tố theo đúng quy định về tố tụng hình sự.

Trường hợp anh/chị trả hết số tiền đã lừa đảo thì việc trả tiền này là việc Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và việc bên bị hại (chị A) bãi nại thì hai tình tiết này cũng chỉ được xem là [tình tiết giảm nhẹ trong vụ án hình sự](https://luatvietnam.vn/tin-van-ban-moi/them-tinh-tiet-giam-nhe-trong-hinh-su-186-22325-article.html).

**96. Vừa qua, trong lúc đang uống bia, vì tranh cãi một vụ việc trong đời sống là con bò trên lon bò húc là bò đực hay bò cái mà tôi và nhóm bạn tranh cãi kịch liệt dẫn đến xô xát, đánh nhau chảy máu đầu. kết quả giám định tôi bị thương tích 10%. Vậy xin hỏi, tôi có thể tố giác hành vi cố ý gây thương tích của nhóm bạn tôi với tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ hay không? Pháp luật sẽ xử lý trường hợp này như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 của TAND tối cao và Kết luận tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1995 giải thích:

“Khái niệm côn đồ được hiểu là hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an, sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt là đâm chém, thậm chí giết người. Hành động của chúng thường là xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự người khác, gây gổ hành hung người khác một cách rất vô cớ hoặc vì một duyên cớ nhỏ nhặt, ví dụ như đi xe đạp, xe máy va quyệt vào người khác, có khi chính mình có lỗi nhưng đã kiếm cớ để đánh hoặc giết người ta, mặc dù có thể người kia cũng có lỗi nhỏ. Đó là hành vi có tính chất côn đồ. Những kẻ đâm thuê chém mướn phải coi là biểu hiện tính côn đồ”.

Pháp luật hiện hành coi phạm tội có tính chất côn đồ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 52, [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html).

Căn cứ điểm i, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 quy định: Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11% thuộc trường hợp "có tính chất côn đồ" thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Từ căn cứ nêu trên, bạn có thể tố giác [hành vi cố ý gây thương tích](https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/danh-nhau-gay-thuong-tich-duoi-11-co-bi-di-tu-230-30661-article.html) của nhóm người kia với tình tiết phạm tội có tính chất côn đồ.

**97. Tôi là bố của cháu A đang học tại trường tiểu học X. Ngày 25/8/2021, tôi có nhìn thấy cảnh cô giáo B đánh con tôi. Ngay sau đó, do không kìm chế được cơn giận, tôi có đánh cô giáo A bằng tay không và bị thương tích 2%. Vậy trong trường hợp trên, tôi có bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích đối với cô giáo theo điểm g khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015 không? Tôi sẽ bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định điểm m khoản 1 Điều 134 [Bộ luật Hình sự năm 2015](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-2015-101324-d1.html), [sửa đổi bổ sung năm 2017](https://luatvietnam.vn/hinh-su/bo-luat-hinh-su-sua-doi-2017-115503-d1.html) quy định về tội cố ý gây thương tích như sau:

 “Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

………………………………………

m) Có tính chất côn đồ;”

Theo tinh thần hướng dẫn tại Công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Tòa án năm 1995, TANDTC giải thích về “Côn đồ” như sau:

"Khái niệm côn đồ được hiểu là hành động của những tên coi thường pháp luật, luôn luôn phá rối trật tự trị an, sẵn sàng dùng vũ lực và thích (hay) dùng vũ lực để uy hiếp người khác phải khuất phục mình, vô cớ hoặc chỉ vì một duyên cớ nhỏ nhặt là đâm chém, thậm chí giết người. Hành động của chúng thường là xâm phạm sức khoẻ, tính mạng, danh dự người khác, gây gổ hành hung người khác một cách vô cớ hoặc vì một duyên cớ nhỏ nhặt… "

Như vậy, hành vi của bạn là sử dụng vũ lực để gây thương tích cho cô giáo với mức thương tích là 2% vì chỉ một lý do khá nhỏ thì có thể bị xử lý về Tội cố ý gây thương tích với tình tiết “Có tính chất côn đồ” theo quy định khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.